

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 4

BỘ A-HÀM
IV



HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 4

Tổ chức và điều hành:

Sa môn Thích Tịnh Hạnh

Với sự cộng tác của:

- Hòa thượng Thích Phổ Tuệ;
 - Hòa thượng Giáo sư Thích Quảng Độ;
 - Hòa thượng Thích Đồng Minh;
 - Thượng tọa Giáo sư Thích Tuệ Sĩ;
 - Giáo sư Tiến sĩ Lê Mạnh Thát (*Trí Siêu*);
 - Giáo sư Tiến sĩ Lý Kim Hoa (*Nguyên Hồng*);
- V.V...

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 4

BỘ A-HÀM

IV

KINH
TRUNG A-HÀM

SỐ 2

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- Viết hoa toàn bộ:

1. **Tên người:** (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật:** Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách:** luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh:** thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh:** Bát chánh đạo, Tứ thánh đế, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính:** Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. **Chủng loại:** chư Thiên
5. **Phương hướng:** phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- Viết hoa chữ đầu + gạch nối: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh:** nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh:** A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị:** Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại:** A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- Gạch nối: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

ví dụ: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười
lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số:** số hiệu kinh, số trang dẫn
ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ Âm “y” và “i”: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵: viết là “Phạm” không viết là “Phạn” (phát âm theo chữ *Brahma*).
- ✓ 慧: viết là “Tuệ” không viết là “Huệ”.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 9 năm 2000

Sa môn THÍCH TỊNH HẠNH

MỤC LỤC

SỐ 26 – KINH TRUNG A-HÀM (II)

PHẨM THỨ 11: PHẨM ĐẠI (phần đầu)	3
117. KINH NHU NHUYẾN	5
118. KINH LONG TƯỢNG	9
119. KINH THUYẾT XỨ.....	13
120. KINH THUYẾT VÔ THƯỜNG	17
121. KINH THỈNH THỈNH	21
122. KINH CHIÊM-BA.....	27
123. KINH SA-MÔN NHỊ THẬP ỨC	33
124. KINH BÁT NẠN	41
125. KINH BẮN CÙNG	45
126. KINH HÀNH DỤC.....	51
127. KINH PHƯỚC ĐIỀN.....	55
128. KINH ƯU-BÀ-TẮC.....	57
129. KINH OÁN GIA	63
130. KINH GIÁO	69
131. KINH HÀNG MA	79
132. KINH LẠI-TRA-HÒA-LA.....	91
133. KINH ƯU-BA-LY	111
134. KINH THÍCH VẤN	133
135. KINH THIỆN SANH.....	163
136. KINH THƯƠNG NHÂN CẦU TÀI	181
137. KINH THẾ GIAN	193
138. KINH PHƯỚC	197
139. KINH TỨC CHỈ ĐẠO.....	203
140. KINH CHỈ BIÊN	207
141. KINH DỤ.....	209
PHẨM THỨ 12: PHẨM PHẠM CHÍ (phần đầu)	213
142. KINH VŨ THẾ.....	215

143. KINH THƯỜNG-CA-LA.....	227
144. KINH TOÁN SỐ MỤC-KIẾN-LIÊN	235
145. KINH CÙ-MẶC MỤC-KIẾN-LIÊN.....	243
146. KINH TƯỢNG TÍCH DỤ.....	255
147. KINH VĂN ĐỨC	265
148. KINH HÀ KHỔ	271
149. KINH HÀ DỤC.....	277
150. KINH UẤT-SÁU-CA-LA	281
151. KINH PHẠM CHÍ A-NHIẾP-HÒA.....	293
PHẨM THỨ 12: PHẨM PHẠM CHÍ (phần sau).....	307
152: KINH ANH VŨ.....	309
153. KINH MAN-NHÀN-ĐỀ	325
154. KINH BÀ-LA-BÀ ĐƯỜNG	337
155. KINH TU-ĐẠT-ĐA	353
156. KINH PHẠM BA-LA-DIÊN.....	359
157. KINH HOÀNG LÔ VIÊN	365
158. KINH ĐẤU-NA.....	371
159. KINH A-GIÀ-LA-HA-NA.....	377
160. KINH A-LAN-NA	381
161. KINH PHẠM-MA.....	391
PHẨM THỨ 13: PHẨM CĂN BỔN PHÂN BIỆT	411
162. KINH PHÂN BIỆT LỤC GIỚI	413
163. KINH PHÂN BIỆT LỤC XỨ	423
164. KINH PHÂN BIỆT QUÁN PHÁP.....	431
165. KINH ÔN TUYẾN LÂM THIÊN	441
166. KINH THÍCH TRUNG THIÊN THẤT TÔN	451
167. KINH A-NAN THUYẾT.....	457
168. KINH Ý HÀNH	461
169. KINH CÂU-LÂU-SÁU VÔ TRÁNH.....	465
170. KINH ANH VŨ.....	475
171. KINH PHÂN BIỆT ĐẠI NGHIỆP	487
PHẨM THỨ 14: PHẨM TÂM.....	499
172. KINH TÂM.....	501
173. KINH PHÙ-DI.....	505
174. KINH THỌ PHÁP (I)	513

175. KINH THỌ PHÁP (II)	519
176. KINH HÀNH THIỀN	525
177. KINH THUYẾT	535
178. KINH LẠP SỰ	543
179. KINH NGŨ CHI VẬT CHỦ	551
180. KINH CÙ-ĐÀM-DI	559
181. KINH ĐA GIỚI.....	565
PHẨM THỨ 15: PHẨM SONG.....	573
182. KINH MÃ ẤP (I)	575
183. KINH MÃ ẤP (II)	581
184. KINH NGŨU GIÁC SA-LA LÂM (I).....	587
185. KINH NGŨU GIÁC SA-LA LÂM (II).....	597
186. KINH CẦU GIẢI.....	605
187. KINH THUYẾT TRÍ.....	609
188. KINH A-DI-NA.....	619
189. KINH THÁNH ĐẠO.....	625
190. KINH TIỂU KHÔNG	631
191. KINH ĐẠI KHÔNG.....	637
PHẨM THỨ 16: PHẨM ĐẠI (phần sau)	649
192. KINH CA-LÂU-Ô-ĐÀ-DI	651
193. KINH MÂU-LÊ-PHÁ-QUẦN-NA	665
194. KINH BẠT-ĐÀ-HÒA-LỢI.....	675
195. KINH A-THẤP-BỒI	689
196. KINH CHÂU-NA	701
197. KINH ƯU-BA-LY.....	715
198. KINH ĐIỀU NGỰ ĐỊA	721
199. KINH SI TUỆ ĐỊA	731
200. KINH A-LÊ-TRA.....	747
201. KINH TRÀ-ĐẾ.....	763
PHẨM THỨ 17: PHẨM BỒ-ĐA-LỢI	779
202. KINH TRÌ TRAI.....	781
203. KINH BỒ-LỊ-ĐA.....	793
204. KINH LA-MA	803
205. KINH NGŨ HẠ PHẦN KẾT	815
206. KINH TÂM UẾ	823

207. KINH TIẾN MAO (I).....	829
208. KINH TIẾN MAO (II).....	837
209. KINH BỆ-MA-NA-TU.....	849
210. KINH TỖ-KHEO-NI PHÁP LẠC.....	857
211. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA.....	867
PHẨM THỨ 18: PHẨM LỆ.....	877
212. KINH NHẤT THIẾT TRÍ.....	879
213. KINH PHÁP TRANG NGHIÊM.....	893
214. KINH BỆ-HA-ĐỀ.....	903
215. KINH ĐỆ NHẤT ĐẮC.....	911
216. KINH ÁI SANH.....	919
217. KINH BÁT THÀNH.....	925
218. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (I).....	929
219. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (II).....	931
220. KINH KIẾN.....	935
221. KINH TIẾN DỤ.....	939
222. KINH LỆ.....	945

SỐ 26

KINH TRUNG-A-HÀM (II)

中阿含經

Hán dịch: Cù-dàm Tăng-già-dê-bà

PHẨM THỨ 11: PHẨM ĐẠI (phần đầu)

117. KINH NHU NHUYẾN
118. KINH LONG TƯỢNG
119. KINH THUYẾT XỨ
120. KINH THUYẾT VÔ THƯỜNG
121. KINH THỈNH THỈNH
122. KINH CHIÊM-BA
123. KINH SA-MÔN NHỊ THẬP ỨC
124. KINH BÁT NẠN
125. KINH BẦN CÙNG
126. KINH HÀNH DỤC
127. KINH PHƯỚC ĐIỀN
128. KINH ỮU-BÀ-TẮC
129. KINH OÁN GIA
130. KINH GIÁO
131. KINH HÀNG MA
132. KINH LẠI-TRA-HÒA-LA
133. KINH ỮU-BA-LY
134. KINH THÍCH VẤN
135. KINH THIÊN SANH
136. KINH THƯƠNG NHÂN CẦU TÀI
137. KINH THẾ GIAN
138. KINH PHƯỚC
139. KINH TỨC CHỈ ĐẠO
140. KINH CHÍ BIÊN
141. KINH DỰ

117. KINH NHU NHUYỄN¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Chính Ta ngày trước ra đi xuất gia học đạo là ra đi từ chỗ ưu du, từ chỗ thong dong nhàn nhã, từ đời sống cực kỳ êm dịu². Khi Ta còn ở nhà, phụ vương Duyệt-đầu-đàn³ tạo cho Ta đủ thứ cung điện; cung điện để ở vào mùa xuân, cung điện để ở vào mùa hạ, cung điện để ở vào mùa đông.

“Bởi Ta thích du ngoạn nên cách điện không xa, người lại tạo không biết bao nhiêu là ao sen⁴: ao hoa sen xanh, ao hoa sen hồng, ao hoa sen đỏ, ao hoa sen trắng. Trong các ao đó trồng đủ các loại hoa dưới nước: hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ và hoa sen trắng. Nước luôn luôn đầy, hoa luôn luôn nở, mà những người sai dịch chăm sóc không thông suốt được hết.

“Bởi Ta thích du ngoạn nên trên bờ ao trồng các loại hoa: hoa Tu-ma-na, hoa Bà-sư, hoa Chiêm-bạc, hoa Tu-kiên-đề, hoa Ma-đầu-

¹. Bản Hán, quyển 29. Tương đương Pāli: A.iii.38 Sukhumāla; A.ii.39 Mada.

². Tùng ưu du, thung dung nhàn lạc, cực nhu nhuyễn 從優遊從容閑樂極柔軟。 Pāli: sukhumālo parasakhumālo accanta sukhumālo, êm dịu, rất êm dịu, vô cùng êm dịu.

³. Duyệt-đầu-đàn 悅頭檀, tức vua Tịnh Phạn, Pāli: Suddhodana.

⁴. Hoa tri 華池。 Pāli: Pokkharanī.

kiền-đề, hoa A-đề-mư-đa, hoa Ba-la-dầu⁵.

“Bởi Ta thích du ngoạn nên phụ vương sai bốn người tắm rửa cho Ta. Tắm rửa cho Ta rồi lại xoa hương chiên-đàn đổ vào khắp thân Ta. Xoa hương vào thân Ta rồi lại khoác vào mình Ta chiếc áo lụa thật mới. Trên, dưới, trong, ngoài đều mới mẻ. Suốt ngày đêm luôn luôn cầm lọng⁶ che cho Ta, không để cho Thái tử đêm phải nhiễm sương, ngày bị nắng hóp.

“Như nhà dân thường được ăn đại mạch thô, cơm gạo tẻ, cháo đậu, gừng⁷, cho đó là đồ ăn bậc nhất, nhưng người sai dịch thấp nhất của phụ vương Duyệt-đầu-đàn của Ta lại cho như vậy là rất dở, chỉ ăn nếp trắng⁸ và hào soạn mới cho là đồ ăn bậc nhất.

“Lại nữa, nếu có cầm thú nơi đồng ruộng, loại cầm thú ngon nhất như Đê-đế-la-hòa-tra, Kiếp-tân-xà-la, Hề-mễ-hà, Lê-nê-xa, Thi-la-mễ⁹. Các loại cầm thú nơi đồng ruộng, loại cầm thú ngon nhất như vậy Ta thường được ăn.

“Ta nhớ khi xưa, lúc còn ở với phụ vương Duyệt-đầu-đàn, suốt bốn tháng hạ, mỗi khi lên trên chánh điện đều không có người nam; chỉ toàn là kỹ nữ để cùng vui chơi, không hề trở xuống.

“Rồi khi Ta muốn đến viên quán thì liền có ba mươi danh kỹ thượng thặng được tuyển chọn với những hàng đại thuận đi dẫn đường hộ tống trước sau, không kể những tiểu tiết khác..

5. Hoa Tu-ma-na 修摩那, hoa Bà-sư 婆師, hoa Chiêm-bạc 瞻蔔, hoa Tu-kiền-đề 修健提, hoa Ma-dầu-kiền-đề 摩頭健提, hoa A-đề-mư-đa 阿提牟多, hoa Ba-la-dầu 波羅頭。 Bản Pāli không đề cập các loại hoa này.

6. Tán cái 繖蓋, đúng ra phải nói “*bạch tán cái*”, biểu hiện của vương gia. Pāli: setachatta.

7. Hán: thô quảng 鹿麩, mạch phạn 麥飯, đậu canh 豆羹, hương thái 薑菜。 Pāli: kaṇājakam bhojanam... viraṅgadutiyaṃ, cháo tấm và sữa chua.

8. Hán: canh lương 粳糧。

9. Đê-đế-la-hòa-tra 提帝邏瑟吒; Pāli: tittirapatta (?), một loại chim trĩ, hay chim chá-cô. Kiếp-tân-xà-la 劫賓闍邏, Pāli: kapinjala (?), chim trĩ. Hề-mễ-hà 奚米何, Pāli: hamsa (?), chim nhạn. Lê-nê-xa 犁泥奢, Thi-la-mễ 施羅米, không tìm ra tương đương âm Pāli. Trong bản Pāli không đề cập các loại thực phẩm này.

“Ta có như ý túc đó¹⁰ và sự êm dịu cực kỳ này.

“Ta còn nhớ khi xưa, lúc Ta thăm ruộng¹¹, người làm ruộng nghỉ ngơi trên đám ruộng, Ta đi đến dưới gốc cây Diêm-phù ngồi kiết già, ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng đắc được Sơ thiên, thành tựu và an trụ. Ta nghĩ rằng: ‘Phàm phu ngu si không đa văn, tự có sẵn tật bệnh, không thoát khỏi tật bệnh, nhưng thấy người tật bệnh thì ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, mà không tự quán sát mình’.

“Rồi Ta lại nghĩ: ‘Ta tự có sẵn tật bệnh, không thoát khỏi tật bệnh. Nếu Ta thấy người tật bệnh mà ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, Ta không nên như vậy, vì Ta cũng có trường hợp này’. Quán sát như vậy rồi thì tâm cống cao phát khởi do không có tật bệnh liền tự tiêu diệt.

“Ta lại nghĩ rằng: ‘Phàm phu ngu si không đa văn, tự có sẵn sự già, không thoát khỏi sự già, nhưng thấy người già cả thì ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, mà không tự quán sát mình’.

“Rồi Ta lại nghĩ: ‘Ta tự có sẵn sự già, không thoát khỏi sự già. Nếu Ta thấy người già cả mà ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, Ta không nên như vậy, vì Ta cũng có trường hợp này’. Quán sát như vậy rồi thì tâm cống cao phát khởi do chưa đến tuổi già liền tự tiêu diệt.

“Phàm phu ngu si không đa văn, vì chưa bị tật bệnh nên tâm tự cao, tự phụ, rồi do tham dục mà sanh si ám, không tu tập phạm hạnh. Phàm phu ngu si không đa văn vì còn trẻ trung nên tự cao tự phụ, không tu tập phạm hạnh, rồi tham dục mà sanh si ám. Phàm phu ngu si không đa văn vì còn thọ mạng nên tự cao tự phụ, phóng dật, rồi do tham dục mà sanh si ám, không tu tập phạm hạnh.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Tuổi già, tật bệnh
Và sự tử vong*

¹⁰. Như ý túc 如意足 (Pāli: iḍhi-pāda), thường dịch là thần thông. Đây có nghĩa là quyền lực. Đoạn trên kể bốn quyền lực của thiếu niên con nhà phú quý: gắm vóc lựa là, cung điện cho các mùa, vườn hoa tráng lệ, và thức ăn thượng hạng.

¹¹. Xem cht.15 kinh 32.

*Là pháp có sẵn
Người ngu khinh nhờn
Nếu ta miệt thị
Tưởng mình không vương
Thật chẳng hợp lý
Vì đó sự thường
Ai hành như thế
Biết pháp ly sanh
Không bệnh, còn trẻ
Tưởng thọ kiêu căng
Đoạn trừ kiêu ngạo
Vô dục bình an
Ai hiểu như vậy
Nơi dục sợ gì!
Được vô hữu tưởng
Tịnh hạnh thanh tu.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



118. KINH LONG TƯỢNG¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở tại Đông viên giảng đường Lộc mẫu².

Bấy giờ vào lúc xế trưa, Đức Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, bước ra khỏi tịnh thất và nói:

“Ô-đà-di³, Ta và người hãy đi đến Đông hà để tắm⁴.”

Tôn giả Ô-đà-di đáp:

“Kính vâng.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn cùng với Tôn giả Ô-đà-di đi đến Đông hà, cởi bỏ y phục trên bờ sông rồi xuống nước tắm. Tắm xong, lên bờ lau mình và mặc y phục vào.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc có một con voi chúa tên là Niệm⁵, đang lội ngang qua Đông hà với tất cả các loại kỹ nhạc được tấu lên. Dân chúng trông thấy nói rằng:

“Đây phải chăng là rồng trong loài rồng, là Đại long vương hay là con gì vậy?⁶”

1. Tham chiếu Pāli: A. Vi.43 Nāga; Thag. 689-704.

2. Đông viên Lộc tử mẫu giảng đường 東園鹿子母講堂。Pāli: Pubbārama Migāgamātu-pāsāda, giảng đường được xây dựng bởi bà Visakhā, mẹ của Miga.

3. Ô-đà-di 烏陀夷。Pāli: Udāyi, cũng gọi là Mahā-udāyi, hay Pandita-udāyi, con của một người Bà-la-môn ở Kapilavatthu.

4. Đông hà 東河。Pāli: Pubbakotthaka. Bản Pāli nói: Phật gọi ngài A-nan đi tắm.

5. Long tượng danh viết Niệm 龍象名曰念。Pāli: Seto nāma nāgo (Seta, bản Hán đọc là Sati).

6. Long trung long, vi đại long vương, vi thị thùy 龍中龍爲大龍王爲是誰。Pāli: Nāgo vata, bho, nāgo. “Rồng kia, các ngài, rồng kia!”

Tôn giả Ô-đà-di chấp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con voi thân hình to lớn cho nên dân chúng trông thấy nói rằng: ‘Đây phải chăng là rồng trong loài rồng, là Đại long vương hay là con gì vậy?’

Đức Thế Tôn nói:

“Đúng vậy, Ô-đà-di! Đúng vậy, Ô-đà-di, con voi có thân hình to lớn nên dân chúng trông thấy nói rằng: ‘Đây phải chăng là rồng trong loài rồng, là Đại long vương hay là con gì vậy?’

“Này Ô-đà-di, ngựa, lạc đà, trâu, lừa, rắn⁷, người, cây cối... nếu có thân hình to lớn, này Ô-đà-di, dân chúng trông thấy cũng nói rằng: ‘Đây phải chăng là rồng trong loài rồng, là Đại long vương hay là con gì vậy?’

“Ô-đà-di, nếu Trời, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí (hay bất cứ ai) từ người cho đến trời ở trên đời này mà không làm hại bằng thân, miệng, ý, Ta nói vị ấy chính là rồng⁸.

“Ô-đà-di, Như Lai ở trong thế gian này bao gồm Trời, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí (hay bất cứ ai) từ người cho đến trời đều không dùng thân, miệng, ý để làm hại, cho nên Ta được gọi là rồng.”

Khi ấy, Tôn giả Ô-đà-di chấp tay hướng về Đức Phật mà bạch:

“Bạch Thế Tôn, mong Đức Thế Tôn gia trì cho con thêm uy lực. Mong Đức Thiện Thệ gia trì cho con thêm uy lực để con được ở trước Phật, bằng bài tụng liên hệ đến rồng⁹ mà tán thán Đức Thế Tôn.”

Đức Thế Tôn nói:

“Tùy ý người muốn.”

Khi ấy Tôn giả Ô-đà-di ở trước Đức Phật, dùng bài tụng liên hệ đến rồng tán thán Đức Thế Tôn rằng:

*Chánh giác sanh nhân gian,
Tự chế ngự, đắc định.*

⁷. Nguyên Hán: *hung hành* 胸行, đi bằng bụng, Pāli: Uragam, loài bò sát hay con rắn.

⁸. *Bất dĩ thân khẩu ý hại (...)* thị long 不以身口意害 (...) 是龍。 Pāli nói: Āgum na kāgoti kāyena vācāya manasā, tam ahaṃ nāgo ti brūmi, ai không làm ác bằng thân, miệng, ý; Ta nói người đó là nāga.

⁹. *Long tương ứng tụng* 龍相應頌。

Phạm hạnh bước vững vàng,
Bình an, tâm ý tĩnh.
Nhân loại đều xưng tôn;
Vượt ngoài tất cả pháp.
Chư Thiên đều kính ngưỡng;
Chí Chân, Bạc Vô Trước.
Từ rừng, bỏ rừng đi;
Siêu việt toàn kết sử;
Xả dục, sống vô dục,
Vàng ròng trong khối đá.
Mặt trời trên hư không,
Tối thượng giữa loài rồng,
Vang lừng danh Chánh Giác,
Hy-mã điệp muôn trùng.
Tuyệt đối không nào hại,
Đại long, thật Đại long;
Chắc thật, đây tối thượng,
Rồng thiêng giữa loài rồng!
Ôn nhuần và vô hại,
Hai chân rồng là đây.
Khổ hạnh và phạm hạnh,
Là bước đi của rồng.
Rồng thiêng, tay là tín;
Hai đực, xả là ngà;
Tuệ đầu và niệ m cổ;
Phân biệt pháp, tư duy;
Bụng lớn, chứa muôn pháp;
Độc cư: đôi cánh tay;
Rồng tu quán hơi thở;
Nội tĩnh, tâm tinh chuyên;
Chánh định, đi hay đứng;
Nằm thiền, ngồi cũng thiền;
Định ý, hằng định ý;
Là pháp thường của long.
Thọ thực nhà thanh tịnh;

Nhà bất tịnh, không ăn;
 Ác bất tịnh, không thọ,
 Quay đi như Sư tử.
 Sở đắc những cúng dường,
 Từ tâm nên nạp thọ.
 Long thực, do tín thí;
 Vừa đủ, không đắm say.
 Đoạn trừ mọi kết sử,
 Giải thoát mọi đường dây.
 Tâm không, không trói buộc,
 Vạn nẻo bước du hành.
 Chẳng khác loài sen trắng,
 Nước sanh, nước nuôi lớn;
 Bùn lầy không nhiễm trước;
 Tuyệt sắc, hương ngào ngạt.
 Cũng vậy, tối thượng giác,
 Sanh thành trong thế gian;
 Tịnh diệu, dục không vương,
 Như hoa không nhiễm nước.
 Ví như ngọn lửa hừng;
 Bớt củi, ngọn tắt dần.
 Củi hết rồi lửa tắt;
 Như vậy lửa diệt tàn.
 Kẻ trí nói dụ này,
 Nghĩa ấy mong thấu triệt;
 Là điều long sở tri,
 Long tụng, long sở thuyết.
 Triệt đoạn dâm dục, sân,
 Trừ si, vô lậu tịnh;
 Long xả bỏ hậu thân,
 Đó là long diệt tận.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Ô-đà-di sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

119. KINH THUYẾT XỨ¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ở đây có ba thuyết xứ², chứ không phải bốn hay năm. Nếu Tỳ-kheo sau khi thấy, nhân sự thấy đó nói mà nói³ rằng: ‘Ta thấy, nghe, hiểu, biết’, Tỳ-kheo nói mà nói rằng: ‘Đây là điều tôi biết’.

“Những gì là ba? Tỳ-kheo nhân vấn đề quá khứ nói mà nói⁴ như vậy: ‘Trong thời quá khứ có’. Tỳ-kheo nhân vấn đề vị lai nói mà nói như vậy: ‘Trong thời vị lai có’. Tỳ-kheo nhân vấn đề hiện tại nói mà nói như vậy: ‘Trong thời hiện tại có’.

“Đó gọi là ba thuyết xứ chứ không phải bốn hay năm. Nếu Tỳ-kheo sau khi thấy, nhân sự thấy đó nói mà nói rằng: ‘Ta thấy, nghe, hiểu biết’. Tỳ-kheo nói mà nói rằng: ‘Đây là điều tôi biết’. Do điều được thuyết, khéo tập được nghĩa, do không thuyết, không khéo tập được nghĩa.

“Hiền Thánh đệ tử với hai tai nhất tâm nghe pháp. Vị ấy sau khi với hai tai nhất tâm nghe pháp, đoạn một pháp, tu một pháp, tự thân chứng đắc⁵ một pháp. Vị ấy sau khi đã đoạn được một pháp, tu một

1. Tương đương Pāli: A.iii.67 Kathāvatthu. Kinh số 86 ở trên cùng tên với kinh này.

2. Thuyết xứ 說處。 Pāli: tti kathāvatthūni, “ba luận sự”. Tam ngôn y 三言依, xem Tập Dị 3 (Đại 26, tr.378 c - 78 a).

3. Thuyết nhi thuyết 說而說。 Pāli: Katham katheyya, có thể nói về vấn đề.

4. Nhân quá khứ thuyết nhi thuyết 因過去說而說: Pāli: atitam vā addhānam ārabha katham katheyya, có thể nói về vấn đề liên hệ thời quá khứ.

5. Hán: tác chứng 作證。

pháp, tự thân chứng đắc một pháp rồi, liền được chánh định. Hiền Thánh đệ tử sau khi đã được chánh định, liền đoạn trừ hết tất cả dâm, nộ, si. Như vậy là Hiền Thánh đệ tử chứng đắc tâm giải thoát, giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát, biết đúng như thật rằng: ‘Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Do điều được nói⁶ nên có bốn trường hợp để quan sát người, rằng Hiền giả này có thể cùng nói, hoặc không thể cùng nói. Nếu Hiền giả này với câu hỏi xác quyết mà không trả lời xác quyết, với câu hỏi phân biệt mà không trả lời phân biệt, với câu hỏi phản vấn mà không trả lời phản vấn, với câu hỏi xả trí vấn mà không trả lời xả trí⁷. Như vậy, Hiền giả này không thể cùng nói, cũng không thể cùng thảo luận.

“Nếu Hiền giả này với câu hỏi xác quyết mà trả lời xác quyết, với câu hỏi phân biệt mà trả lời phân biệt, với câu hỏi phản vấn mà trả lời phản vấn, với câu hỏi xả trí vấn mà trả lời xả trí. Như vậy, Hiền giả này có thể cùng nói, cũng có thể cùng thảo luận.

“Lại nữa, do điều được nói nên lại có bốn trường hợp để quan sát người, rằng Hiền giả này có thể cùng nói, hoặc không thể cùng nói. Nếu Hiền giả này không an trụ trên xứ phi xứ, không an trụ trên sở tri, không an trụ trên thuyết dụ, không an trụ trên đạo tích⁸; như vậy thì Hiền giả này không thể cùng nói, cũng không thể cùng thảo luận.

“Nếu Hiền giả này an trụ trên xứ phi xứ, an trụ trên sở tri, an trụ trên thuyết dụ, an trụ trên đạo tích; như vậy thì Hiền giả này có thể cùng nói, cũng có thể cùng thảo luận.

6. Nhân sở thuyết 因所說。 Pāli: Kathāsampayogena, bằng sự liên hệ với ngôn thuyết.

7. Nhất hướng luận 一向論 (ekamsavyākaraṇīyam), phân biệt luận 分別論 (vibhajjhavyākaraṇīyam), cật luận 詰論 (paṭipucchavyākaraṇīyam), chỉ luận 止論 (thapanīyam), Bốn trường hợp đặt câu hỏi và phải trả lời, *bốn ký vấn* (Tập dị 8, Đại 26 tr. 401a-11a): Nhất hướng ký vấn, phân biệt ký vấn, phản cật ký vấn, xả trí ký vấn.

8. Xứ phi xứ 處非處 (Pāli: thānāthāna), (không được xác định là) hợp lý hay không hợp lý; sở tri 所知 (Pāli: parikappa) (có hay không có) chủ đích; thuyết dụ 說喻 (Pāli: aññātavāda) ngôn ngữ được chấp thuận (của bậc trí); đạo tích (Pāli: paṭipadā), thực tiễn (được xác định bằng thực tiễn hành động).

“Do điều được nói, với lời nói trầm tĩnh⁹, xả bỏ sở kiến của mình, xả bỏ ý kết oán, xả bỏ tham dục, xả bỏ sân nhuế, xả bỏ si ám, xả bỏ kiêu mạn, xả bỏ bất ngữ¹⁰, xả bỏ tật đố, không háo thắng, không ép người, không chấp chặt khuyết điểm, nói nghĩa nói pháp¹¹. Sau khi nói nghĩa nói pháp, khuyên dạy, rồi lại khuyên dạy cho bỏ¹², tự mình hoan hỷ, khiến người kia cùng hoan hỷ. Thuyết nghĩa như vậy, thuyết sự như vậy, là Thánh thuyết nghĩa, là Thánh thuyết sự¹³; nghĩa là đã cứu cánh tận diệt hết lậu.”

Rồi thì, Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

*Luận tranh và luận nghị,
Ý tạp, lòng cống cao;
Nghịch Thánh, chê Thánh đức,
Mong cầu khuyết điểm nhau.
Khai thác lỗi bất cần,
Khăng khăng khuất phục người,
Đối địch đều háo thắng;
Thánh không nói như vậy.
Nếu mong thành luận nghị,
Người trí biết tùy thời,
Có pháp và có nghĩa,
Chư Thánh luận như vậy.
Người trí nói như vậy,
Không cãi, không cống cao,
Ý không biết nhàm đủ,
Không kết, không oán thù.
Tùy thuận, không diên đảo*

⁹. *Chỉ tức khẩu hành* 止息口行。

¹⁰. Hán: *bất ngữ* 不語, không rõ nghĩa. Có lẽ Pāli: dubbhāsitaṃ, lời nói khó nghe, ác ngữ.

¹¹. Hán: *nghĩa thuyết pháp thuyết* 義說法說。 Pāli: atthavādī dhammavādī, lời nói hữu ích, lời nói đúng pháp.

¹². Hán: *giáo phục giáo chỉ* 教復教止。 Có lẽ Pāli: satam ve hoti mantanā, được lưu ý và thật sự được khuyến cáo.

¹³. Pāli: evaṃ kho ariyā mantenti, esā ariyāna mantanā, “Các Thánh đàm luận như vậy; đó là những điều được các Thánh đàm luận”.

Mỗi lời hợp chánh tri,
 Khéo nói thì có thể
 Trọn không lời xấu xa.
 Không luận vì luận tranh,
 Không tùy người thách đố;
 Biết xử và thuyết xử,
 Là điều được luận bàn.
 Đây là lời Thánh nhân
 Người trí, hai mục đích¹⁴,
 Cho đời này bình an,
 Cho đời sau khoái lạc.
 Nên biết người thông đạt,
 Thuyết phi đảo, phi thường¹⁵.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹⁴. Hán: *câu đắc nghĩa* 俱得義, được lợi (nghĩa) cả hai đường.

¹⁵. Pāli: *etad aññāya medhāvi na samusseyya*, sau khi nhận thức được điều đó, bậc trí không nói lời khoa đại.

120. KINH THUYẾT VÔ THƯỜNG¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Sắc là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã². Thọ³ cũng vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã. Tưởng cũng là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã. Hành cũng là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã. Thức cũng là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã.

“Như vậy là sắc vô thường; thọ, tưởng, hành, thức vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã. Đa văn Thánh đệ tử hãy nên quán sát như vậy, hãy tu tập bảy đạo phẩm⁴, vô ngại, chánh tư, chánh niệm⁵. Vị ấy đã biết như vậy, thấy như vậy rồi thì tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát; biết đúng như thật rằng: ‘Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Nếu có chúng sanh và chín trú xứ của chúng sanh⁶, cho đến cõi đệ nhất hữu với

¹. Tương đương Pāli S.xxii.76 Arahanta-sutta.

². Hán: *phi thần* 非神, chỉ thần ngã, tự ngã, hay linh hồn. Xem cht.5 dưới.

³. Hán: *giác* 覺. Pāli: vedāna.

⁴. Bản Nguyên-Minh: ba mươi bảy đạo phẩm. Bản Pāli, không có chi tiết này.

⁵. Pāli: yad anattā taṃ n'etaṃ mama, n'eso ahaṃ asmi na m'eso attā, ti evaṃ etaṃ yathābhūtaṃ sammappaññāya datṭhabbaṃ, “cái gì là vô ngã, cần phải được nhận thức một cách như thực bằng chánh trí rằng: cái này không phải của ta; ta không phải là cái này; cái này không phải là tự ngã của ta”.

⁶. Hán: hữu tình cư, chỗ chúng sanh cư ngụ. Pāli: sattāvasā.

hành còn tàn dư, tức cõi hữu tướng vô tướng xứ⁷, ở trong khoang trung gian đó, là bậc đệ nhất, là tối đại, là tối thắng, là tối thượng, là tối tôn, là tối diệu; đó chính là vị A-la-hán ở trong đời. Vì sao vậy? Vì trên đời này, A-la-hán đã được an ổn khoái lạc.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

*Vô trước⁸, đệ nhất lạc
Đoạn dục, ái đã trừ,
Vĩnh viễn lìa ngã mạn,
Bứt tung màn lưới si⁹.
Người không bị lay chuyển,
Tâm chẳng bợn mảy trần,
Thế gian không đắm nhiễm,
Vô lậu, phạm hạnh thành,
Thấu triệt năm ấm thân,
Cảnh giới bảy thiện pháp¹⁰,
Chốn đại hùng du hành,
Lìa xa mọi khủng bố,
Thành tựu báu thất giác¹¹,
Học đủ ba môn học,
Thượng bằng hữu tôn xưng¹²
Chân chánh con của Phật.*

⁷. Hán: *hữu tướng vô tướng xứ hành dư đệ nhất hữu* 有想無想處行餘第一有, chỉ Hữu đỉnh thiên, cõi cao nhất trong tam hữu, tức cõi Phi tướng phi phi tướng xứ, tầng thứ tư của vô sắc định. Pāli: *yāvatā sattāvasā, yāvatā bhaggam*, cho đến các cảnh vực của hữu tình, cho đến chóp đỉnh của (ba) Hữu.

⁸. Vô trước 無著, dịch nghĩa từ A-la-hán. Pāli: *sukhino vata arahanta*, A-la-hán thật sự an lạc.

⁹. Vô minh võng 無明網, Pāli: *mohajāla*.

¹⁰. Cảnh giới thất thiện pháp 境界七善法. Pāli: *sattasadhmagocarā*, sở hành là bảy diệu (chánh) pháp. Xem Tập Di 17 (Đại 26, tr.437a), “bảy diệu pháp: tín, tâm, quý, tinh tấn, niệm, định, tuệ”.

¹¹. Thất bảo giác 七覺寶. Pāli: *Sattaratana*, ở đây chỉ bảy giác chi: trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, niệm, định, xả.

¹². Thượng bằng hữu 上朋友. Pāli: không rõ.

Thành tựu mười chi đạo¹³,
 Đại long định kiên cố,
 Đấng bậc nhất trong đời,
 Vị này không hữu ái;
 Vạn cảnh không lay chuyển
 Giải thoát hữu tương lai,
 Đoạn sanh, lão, bệnh, tử
 Lậu diệt, việc làm xong;
 Phát khởi vô học trí¹⁴
 Tận cùng tối hậu thân¹⁵;
 Tối thắng thanh tịnh hạnh
 Tâm không do bởi người¹⁶;
 Đối các phương trên dưới,
 Vị ấy không hỷ lạc
 Thường rống tiếng sư tử,
 Vô thượng giác trên đời.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹³. Thập chi đạo 十支道, tức mười vô học chi; Tập Dị 20 (Đại 26, tr.452c): 1. Vô học chánh kiến; ...; 8. Vô học chánh định; 9. Vô học chánh giải thoát; 10. Vô học chánh trí. Pāli: dasahaṅga.

¹⁴. Vô học trí. Pāli: asekhāñāṇā.

¹⁵. Tối hậu thân. Pāli: antimoyaṃ samussayo.

¹⁶ Bất do tha 不由他, tự trí, tự chứng ngộ, không do kẻ khác. Pāli: aparapaccāya, không nương theo người khác.

121. KINH THỈNH THỈNH¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa² cùng với chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị an cư mùa mưa.

Bảy giờ vào ngày mười lăm trong tháng³, là ngày Đức Thế Tôn nói Tùng giải thoát⁴ vào giờ Tự tứ⁵. Ngài đến trước chúng Tỳ-kheo trải tọa cụ ngồi xuống rồi nói với các Tỳ-kheo:

“Ta⁶ là Phạm Chí, đã chứng đắc tịch diệt, thành Vô Thượng Y Vương, thọ thân này của Ta là thân tối hậu. Ta là Phạm Chí, sau khi đã

-
1. Phụ chú trong bản Hán: “chữ 請 sau đọc là *tỉnh*”. Tương đương Pāli: S. vii.7 Pavāraṇa (tự tứ). Tham chiếu, No.99 (1212) Tạp A-hàm 45, kinh số 45 (Đại 2, tr.330); No.100 (228) Biệt dịch Tạp 12 (Đại 2, tr. 457a); No.61. Phật Thuyết Thọ Tân Tuế Kinh, Trúc Pháp Hộ dịch (Đại 1, tr.858; No.62 Phật Thuyết Tân Tuế Kinh, Trúc Đàm-vô-lan dịch; No.63. Phật Thuyết Giải Hạ Kinh, Tống Pháp Hiền dịch.
 2. No.61, 62 và Pāli: Xá-vệ, Đông viên, Lộc tử mẫu giảng đường (Sāvatti, Pubbārama, Migāramātupāsāda).
 3. No.61, ngày rằm tháng bảy.
 4. Tùng giải thoát 從解脫, tức Biệt giải thoát. Pāli: Pātimokkha.
 5. Tương thỉnh thỉnh thời 相請請時, “trong khi hỏi lẫn nhau”, được dịch nghĩa như vậy, vì trong lễ Tự tứ, các Tỳ-kheo chỉ điểm lẫn nhau những điều luật. Pāli: Pavāraṇā. Các bản dịch khác là “*thọ tuế*”, tức sau ba tháng an cư, Tỳ-kheo được tính một tuổi hạ.
 6. Trong bản Pāli và các bản Hán kia đều có ghi lời tự tứ của Đức Thế Tôn như vậy: “Này các Tỳ-kheo, bây giờ Ta tự tứ (tức yêu cầu chỉ điểm, hoặc nói là “*thọ tuế*”), các thầy có khiến trách gì Ta đối với thân, khẩu chẳng?”. (Handa dāni, bhikkhave, pavāremi. Ka ca ma kinci garahatha kāyikam vā vācasikam vā).

chứng đắc tịch diệt, thành Vô Thượng Y Vương, thọ thân này của Ta là thân tối hậu, thì các người là con chân chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp. Các người là con chân chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp, thì các người hãy dạy dỗ lẫn nhau, răn dạy lẫn nhau.”

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử cũng đang hiện diện trong chúng. Khi ấy, Tôn giả Xá-lê Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai, sửa y, chấp tay hướng về Thế Tôn, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn vừa nói: ‘Ta là Phạm Chí đã chứng đắc tịch diệt, thành Vô Thượng Y Vương, thọ thân này của Ta là thân tối hậu. Ta là Phạm Chí, sau khi đã chứng đắc tịch diệt, thành Vô Thượng Y Vương, thọ thân này của Ta là thân tối hậu, thì các người là con chân chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp. Các người là con chân chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp, thì các người hãy dạy dỗ lẫn nhau, răn dạy lẫn nhau’. Bạch Thế Tôn, đối với những ai chưa điều ngự, Thế Tôn khiến cho điều ngự; những ai chưa tịch tĩnh, khiến cho tịch tĩnh⁷; những ai chưa độ thoát, khiến cho độ thoát; những ai chưa giải thoát khiến cho giải thoát; những ai chưa tịch diệt, khiến cho tịch diệt, chưa đắc đạo khiến cho đắc đạo, chưa thi thiết phạm hạnh khiến cho thi thiết phạm hạnh. Thế Tôn là Bạc Tri Đạo, Giác Đạo, Thức Đạo, Thuyết Đạo⁸. Đệ tử của Thế Tôn sau đó được đắc pháp, lãnh thọ khuyến giáo, lãnh thọ khiển trách. Sau khi lãnh thọ khuyến giáo, lãnh thọ khiển trách sẽ vâng theo lời dạy của Thế Tôn mà nhất hướng tu hành, được tự tại như ý, khéo biết Chánh pháp. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không phiền gì con đối với thân, khẩu, ý hành chăng?”

Khi ấy, Thế Tôn nói:

“Này Xá-lê Tử, Ta không phiền gì đối với thân, khẩu, ý hành của thầy cả. Vì sao vậy? Này Xá-lê Tử, thầy là bậc thông tuệ, đại tuệ, tốc tuệ, tiếp tuệ, lợi tuệ, quảng tuệ, thân tuệ, xuất yếu tuệ, minh

⁷ Hán: tức 息, và ch? tức 止息。

⁸ Tri Đạo, Giác Đạo, Thức Đạo, Thuyết Đạo 知道覺道識道說道。No.63: Như Lai đã nhận thức toàn diện về Chánh đạo, tuyên thuyết hoàn hảo về Chánh đạo, khai thị Chánh đạo.

đạt tuệ⁹. Nay Xá-lê Tử, thầy đã thành tựu thật tuệ. Nay Xá-lê Tử, ví như vua Chuyển luân vương có vị thái tử không trái phạm lời khuyên dạy, tất bái lãnh sự truyền thừa của phụ vương và sau này cũng có thể truyền thừa lại. Cũng vậy, nay Xá-lê Tử, Ta chuyển vận pháp luân, thầy cũng có thể chuyển vận pháp luân. Nay Xá-lê Tử, vì vậy nên Ta không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của thầy.”

Tôn giả Xá-lê Tử chấp tay hướng về Thế Tôn, thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của con; nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn có phiền gì về thân, khẩu, ý hành của năm trăm thầy Tỳ-kheo chăng?”

Đức Thế Tôn nói:

“Nay Xá-lê Tử, Ta cũng không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của năm trăm Tỳ-kheo này. Vì sao vậy? Nay Xá-lê Tử, năm trăm Tỳ-kheo này đều đã chứng đắc vô trước, dứt trừ các lậu, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, hữu kết đã tận và đã đạt được thiện nghĩa, chánh trí, chánh giải thoát; chỉ trừ một Tỳ-kheo¹⁰ mà trước kia Ta đã thọ ký cho rằng: ngay trong đời này sẽ chứng đắc cứu cánh trí, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Nay Xá-lê Tử, vì vậy nên Ta không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của năm trăm Tỳ-kheo này.”

Tôn giả Xá-lê Tử ba lần lặp lại chấp tay hướng về Đức Thế Tôn thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của con và cũng không phiền gì về thân, khẩu, ý hành của năm trăm Tỳ-kheo này. Như vậy, bạch Thế Tôn, trong số năm trăm Tỳ-kheo này, có bao nhiêu thầy đã chứng đắc ba minh đạt¹¹? Bao nhiêu thầy

⁹. Thông tuệ 聰慧 (Pāli: pañña), đại tuệ 大慧 (Pāli: mahāpañña), tốc tuệ 速慧 (Pāli: hāsapañña), liệp tuệ 捷慧 (Pāli: javapañña), lợi tuệ 利慧 (Pāli: tikkhapañña), quảng tuệ 廣慧 (Pāli: puttū pañña), thâm tuệ 深慧 (Pāli: không đề cập), xuất yếu tuệ 出要慧 (Pāli: không đề cập), minh đạt tuệ 明達慧 (Pāli: nibbedhikā).

¹⁰. Chỉ Tôn giả A-nan, bấy giờ chưa chứng đắc lậu tận.

¹¹. Tam minh đạt 三明達, tức tam minh.

đã chứng đắc câu giải thoát¹²? Bao nhiêu thầy đã chứng đắc tuệ giải thoát¹³?”

Thế Tôn nói:

“Này Xá-lê Tử, trong số năm trăm Tỳ-kheo này, chín mươi Tỳ-kheo đã chứng đắc ba minh đạt; chín mươi Tỳ-kheo đã chứng đắc câu giải thoát; còn các Tỳ-kheo kia đều chứng đắc tuệ giải thoát. Này Xá-lê Tử, trong chúng này không có nhánh, không có cành lá, cũng không có đốt, mà chỉ có lõi chắc thật, thanh tịnh, đều đã chân chánh trụ vị.”

Bấy giờ, Tôn giả Bàn-gỳ-xá¹⁴ cũng hiện có ở trong chúng. Khi ấy Tôn giả Bàn-gỳ-xá liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo, chấp tay hướng về Thế Tôn thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, mong Đức Thế Tôn gia trì cho con thêm uy lực. Mong Đức Thiện Thệ gia trì cho con thêm uy lực để con được ở trước Phật và chúng Tỳ-kheo, bằng sự tương ứng như nghĩa¹⁵ mà làm bài tụng tán thán.

Đức Thế Tôn nói:

“Bàn-gỳ-xá, người cứ tùy ý.”

Khi ấy, Tôn giả Bàn-gỳ-xá ở trước Đức Phật và chúng Tỳ-kheo, bằng sự tương ứng như nghĩa mà tán tụng như vậy:

*Hôm nay ngày Rằm tự tứ,
Hội tọa Tăng chúng năm trăm;
Đoạn tận buộc ràng kiết sử,
Tiên nhân vô ngại vô sanh.
Thanh tịnh ngời quang minh,
Giải thoát tất cả hữu;
Dứt sanh, lão, bệnh, tử*

¹². Câu giải thoát, hay câu phần giải thoát, Pāli: ubhatobhāgavimutta, vị A-la-hán có tuệ giải thoát đồng thời có diệt tận định. Về câu giải thoát, tuệ giải thoát, xem kinh số 127 và 195.

¹³. Tuệ giải thoát, xem cht. trên.

¹⁴. Bàn-gỳ-xá 傍耆舍, Vangīsa, thuộc một gia đình Bà-la-môn rất thông suốt các tập Vệ-đà, do quán bất tịnh mà đắc quả A-la-hán.

¹⁵. Hán: tương ứng như nghĩa 相應如義。 Pāli: sārūppāhi gāthāhi abhitthavi, tán thán bằng những bài kệ thích ứng.

*Lậu diệt, việc làm xong.
 Diệt hối và nghi kết,
 Mạn, hữu lậu đã trừ,
 Nhỏ tuyệt gai ái kết,
 Thành Vô Thượng Y Sư.
 Dũng mãnh như sư tử
 Khủng bố đã dứt trừ,
 Đã vượt sự sanh tử
 Diệt lậu tận, vô dư.
 Ví như Chuyển luân vương
 Quân thân vây xung quanh,
 Thống lãnh toàn cõi đất
 Suốt đại dương vô cùng.
 Đấng Đại Hùng tối thắng,
 Bạc Thượng Chủ, Thượng Tôn;
 Đệ tử hàng cung kính,
 Tam minh, ngoài tử sanh.
 Tất cả là con Phật
 Cành, lá đã loại bỏ;
 Chuyển pháp luân vô thượng
 Kính lạy Đấng Tối Tôn.*

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.



122. KINH CHIÊM-BA¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Chiêm-ba, ở bên hồ Hằng-già².

Bấy giờ là ngày mười lăm trong tháng, là ngày Thế Tôn thuyết Tùng giải thoát, trải tọa ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Khi Đức Thế Tôn ngồi xong, liền nhập định và bằng tha tâm trí Ngài quan sát tâm đại chúng. Khi quan sát tâm đại chúng rồi, cho đến lúc hết buổi đầu hôm, Ngài vẫn ngồi im lặng.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai, sửa y chấp tay hướng về Đức Phật thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, đã hết buổi đầu hôm, Phật và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã lâu, mong Đức Thế Tôn nói thuyết Tùng giải thoát.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn im lặng không trả lời.

Thế rồi, cho đến phần giữa đêm, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Tỳ-kheo kia lại lần nữa, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa y, chấp tay hướng về Đức Phật và thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, phần giữa đêm cũng sắp hết; Phật và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã lâu, mong Đức Thế Tôn nói thuyết Tùng giải thoát.”

Đức Thế Tôn lại một lần nữa không trả lời.

Thế rồi, cho đến phần cuối đêm, Đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Tỳ-kheo kia lại lần thứ ba từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa y, chấp

¹ Tương đương Pāli A. VIII.10. Kāraṇḍava-sutta; A, viii.20 Uposatha Biệt dịch, No.64 *Chiêm-ba Tỳ-kheo Kinh*, Pháp Cự dịch. Tham chiếu kinh số 37 trên.

² Xem các cht. liên hệ ở kinh số 37 trên.

tay hướng về Đức Thế Tôn mà thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, phần giữa đêm cũng chấm dứt, rồi buổi cuối đêm cũng sắp hết, trời gần về sáng, không bao lâu nữa, mặt trời sẽ mọc; Phật và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã quá lâu, mong Đức Thế Tôn nói thuyết Tỳ-kheo giải thoát.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo vị Tỳ-kheo kia:

“Trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo làm đã việc bất tịnh.”

Lúc đó Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng đang ở trong chúng. Rồi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền suy nghĩ thế này: “Vị Tỳ-kheo nào mà Đức Thế Tôn nói trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh? Ta nên nhập định có hình thức như thế, nhân trong định có hình thức như thế, bằng tha tâm trí mà quan sát tâm niệm đại chúng.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nhập định có hình thức như thế, nhân trong định có hình thức như thế, bằng tha tâm trí mà quan sát tâm niệm đại chúng.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền biết vị Tỳ-kheo mà vị vị ấy Đức Thế Tôn nói trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh.

Rồi thì, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên xuất định, đi đến trước vị Tỳ-kheo ấy, nắm tay kéo đi, mở cửa lòi ra bên ngoài mà nói:

“Này người ngu si, hãy đi xa đi, đừng sống ở đây, không được trở lại hội họp với đại chúng Tỳ-kheo, từ nay trở đi ông không phải là Tỳ-kheo nữa.”

Ngài đóng cửa, gài chốt then lại, rồi trở về chỗ Đức Phật, cúi đầu sát lạy chân Phật, rồi ngồi sang một bên mà thưa:

“Vị Tỳ-kheo mà vị vị ấy Đức Thế Tôn nói trong chúng này có một Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh; con đã đuổi vị ấy đi rồi. Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, phần giữa đêm cũng chấm dứt, rồi buổi cuối đêm cũng sắp hết, trời gần về sáng, không bao lâu nữa, mặt trời sẽ mọc; Phật và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã quá lâu, mong Đức Thế Tôn nói thuyết Tỳ-kheo giải thoát.”

Đức Thế Tôn nói:

“Này Đại Mục-kiền-liên, kẻ ngu si sẽ mắc đại tội nếu gây phiền nhiễu cho Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Đức Như Lai ở giữa chúng bất tịnh mà thuyết Tỳ-kheo giải thoát thì

đầu người kia sẽ vỡ thành bảy mảnh. Do đó, này Đại Mục-kiền-liên, từ nay về sau các thầy hãy thuyết Tùng giải thoát, Đức Như Lai không thuyết Tùng giải thoát nữa. Vì sao như thế?³

“Vì như vậy, này Đại Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si khi vào lúc ra đều với chánh tri⁴; khi co lúc duỗi, khi cúi lúc ngẩng đều khéo phân biệt quán sát; nghi dung chững chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn; cầm y, bát chĩnh tề⁵; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng, tựa như bậc Phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của bậc Phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được.

“Này Đại Mục-kiền-liên, nếu các bậc Phạm hạnh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ rằng: ‘Đây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự ô nhục đối với Sa-môn, là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn’. Sau khi biết rồi liền cùng nhau tấn xuất người ấy⁶. Vì sao vậy? Vì không muốn các bậc Phạm hạnh phải bị nhiễm ô.

“Này Đại Mục-kiền-liên, ví như trong ruộng lúa dế, hoặc ruộng lúa tẻ đang tươi tốt của Cư sĩ kia có sanh loại cỏ tên là cỏ uest mạch⁷. Cỏ này có rễ, thân, đốt, lá và hoa thảy đều giống hệt như cây lúa tẻ. Nhưng sau khi kết hạt thì người Cư sĩ kia thấy được, liền suy nghĩ rằng: ‘Đây là sự ô nhục đối với lúa tẻ, là gai nhọn đáng ghét đối với lúa tẻ’. Sau khi biết rồi, Cư sĩ kia liền nhổ quăng đi hết. Vì sao vậy? Vì không muốn giống lúa tẻ đích thật phải bị ô nhiễm.

“Cũng vậy, này Đại Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si khi vào lúc ra đều với chánh tri; khi co lúc duỗi, khi cúi lúc ngẩng đều khéo phân biệt quán sát; nghi dung chững chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn, cầm y, bát chĩnh tề; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng, tựa như bậc Phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của bậc Phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được.

³. Từ đây trở xuống tương đương Pāli A. VIII.10 đã dẫn. Bản Pāli bắt đầu bằng sự kiện hai Tỳ-kheo nói xấu nhau, và khi biết được, Đức Thế Tôn nói như trong bản Hán này.

⁴. Chánh tri 正知, Pāli: sampajāna, biết rõ mình đang làm gì.

⁵. Tăng-già-lê cập chư y bát 僧伽梨及諸衣鉢, Pāli: saṅghāṭṭipattacivara, chỉ ba y (gồm tăng-già-lê) và bình bát.

⁶. Tấn khí 擯棄。

⁷. Hán: uest mạch 穢麥。

“Này Đại Mục-kiền-liên, nếu các bậc Phạm hạnh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ rằng: ‘Đây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự ô nhục đối với Sa-môn, là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn’. Sau khi biết rồi liền cùng nhau tấn xuất người ấy. Vì sao vậy? Vì không muốn các bậc Phạm hạnh phải bị nhiễm ô.

“Này Đại Mục-kiền-liên, vì như đến mùa thu, người Cư sĩ kia đem giê lúa. Từ trên cao, lúa được đổ từ từ xuống. Nếu là hạt lúa chắc thì nằm lại, còn lúa lép hay trấu thì sẽ theo gió bay đi. Sau đó người Cư sĩ kia liền cầm chổi quét dọn sạch sẽ. Vì sao vậy? Vì không muốn hạt lúa dé chắc thật phải bị ô tạp.

“Cũng vậy, này Đại Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si khi vào lúc ra đều với chánh tri; khi co lúc duỗi, khi cúi lúc ngẩng đều khéo phân biệt quán sát; nghi dung chững chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn, cầm y, bát chĩnh tề; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng, tựa như bậc Phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của bậc Phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được.

“Này Đại Mục-kiền-liên, nếu các bậc Phạm hạnh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ rằng: ‘Đây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự ô nhục đối với Sa-môn, là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn’. Sau khi biết rồi liền cùng nhau tấn xuất người ấy. Vì sao vậy? Vì không muốn các bậc Phạm hạnh phải bị nhiễm ô.

“Này Đại Mục-kiền-liên, ví như người Cư sĩ kia muốn có nước suối chảy đến nên làm máng dẫn nước. Người ấy cầm búa vào rừng, gõ vào thân các cây. Nếu cây có lõi cứng thì tiếng phát ra nhỏ, còn cây rỗng ruột thì tiếng phát ra lớn. Sau khi biết rõ, người Cư sĩ kia liền chặt cây ấy đem về làm máng dẫn nước.

“Cũng vậy, này Đại Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si khi vào lúc ra đều với chánh tri; khi co lúc duỗi, khi cúi lúc ngẩng đều khéo phân biệt quán sát; nghi dung chững chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn, cầm y, bát chĩnh tề; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng, tựa như bậc Phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của bậc Phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được.

“Này Đại Mục-kiền-liên, nếu các bậc Phạm hạnh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ rằng: ‘Đây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự ô nhục đối với Sa-môn, là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-môn’.

Sau khi biết rồi liền cùng nhau tấn xuất người ấy. Vì sao vậy? Vì không muốn các bậc Phạm hạnh phải bị nhiễm ô.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói bài tụng rằng:

*Cùng tập hội, nên biết,
 Ác dục, tắng, tật, nhuê⁸
 Che giấu, hận, keo kiệt⁹,
 Tật đố, siểm, khi cuống.
 Trong chúng, giả đạo đức
 Lén lút xưng Sa-môn,
 Âm thầm làm việc ác
 Ác kiến, không thủ hộ.
 Khi đối cùng nói láo
 Nên biết, người như vậy,
 Tập chúng đừng cho vào
 Tấn xuất, không sống chung.
 Chúng dối trá, láo khoét
 Chưa ngộ nói đã ngộ;
 Biết thời, tu tịnh hạnh,
 Đuổi chúng, tránh xa chúng.
 Hãy cùng người thanh tịnh,
 Sống hòa hợp với nhau;
 Như vậy sẽ an ổn,
 Và tận cùng sự khổ.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



⁸. *Tắng, tật, nhuế* 憎嫉恚, ghét, ganh tị, thù nghịch.

⁹. *Bất ngữ kết, hận, xan* 不語結恨慳。Bất ngữ kết, Pāli: makkhā, che giấu tội lỗi.

123. KINH SA-MÔN NHỊ THẬP ÚC¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc² cũng du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Âm lâm³; đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm đều học tập không ngủ, tinh cần chánh trụ, tu tập đạo phẩm. Khi ấy Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc sống một mình nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ: “Nếu có đệ tử nào của Đức Thế Tôn tinh cần học tập pháp luật chân chánh thì ta là người bậc nhất, thế mà tâm vẫn chưa giải thoát được các lậu. Nhà cha mẹ ta cực kỳ phú quý, có nhiều tiền của, nay ta có nên xả giới, bỏ đạo hạnh, chuyên việc bố thí, tu tập các phước nghiệp chăng?”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bằng tha tâm trí biết rõ tâm niệm của Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc, liền bảo một Tỳ-kheo:

“Người hãy đi đến chỗ kia, gọi Sa-môn Nhị Thập Úc về đây.”

Tỳ-kheo ấy bạch:

“Kính vâng.”

¹. Tương đương Pāli A. Vi.55. Soṇa-sutta; tham chiếu Luật tạng Pāli, Mv.1.1~ 30. Tham chiếu, No.99 (254) *Tạp A-hàm* 9, kinh số 254; No.125 (23.3) Tăng Nhất 13, phẩm 23 “Địa Chủ” kinh số 3; Tứ Phần 29, Đại 22 tr.843; Ngũ Phần 21, Đại 22, tr.145.

². Sa-môn Nhị Thập Úc 沙門二十億。 Pāli: Soṇa (Koḷivīsa). No.99 (254) và No.125 (23.3) dịch là Nhị Thập Úc Nhĩ, do Soṇa được đọc là Sota (lỗ tai); và Koḷi được đọc là Koḷi (một úc).

³. Âm lâm, cũng dịch là hàn lâm; khu rừng lạnh, bãi tha ma, nơi vất bỏ xác chết. Pāli: sitavana.

Rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, bước ra, đi đến chỗ Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ưc nói:

“Đức Thế Tôn cho gọi thầy.”

Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ưc nghe Tỳ-kheo ấy nói, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật rồi ngồi một bên. Đức Thế Tôn nói:

“Sa-môn, phải chăng vừa rồi người sống một mình nơi yên tĩnh, thiên tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ: ‘Nếu có đệ tử nào của Đức Thế Tôn tinh cần học tập pháp luật chân chánh thì ta là người bậc nhất, thế mà tâm vẫn chưa giải thoát được các lậu. Nhà cha mẹ ta cực kỳ phú quý, có nhiều tiền của, nay ta có nên xả giới, bỏ đạo hạnh, chuyên việc bố thí, tu tập các phước nghiệp chăng?’”

Khi ấy Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ưc thẹn thùng xấu hổ, không thể không hoang mang, rằng, “Thế Tôn đã biết rõ tâm niệm của ta”, liền chấp tay hướng về Đức Phật mà bạch rằng:

“Quả thật vậy.”

Đức Thế Tôn nói:

“Sa-môn, nay Ta hỏi người; hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Ý người nghĩ sao, khi người sống tại gia, giõ đánh đàn cầm nên tiếng đàn hòa điệu với lời ca, lời ca ăn khớp với tiếng đàn; có phải vậy chăng?”

Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ưc thưa:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Ý người nghĩ sao, nếu dây đàn căng quá thì tiếng hòa âm có đáng ưa không?”

Sa-môn Nhị Thập Ưc đáp:

“Bạch Thế Tôn, không!”

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“Ý người nghĩ sao, nếu dây đàn chùng quá thì tiếng hòa âm có đáng ưa chăng?”

Sa-môn Nhị Thập Ưc đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“Ý người nghĩ sao, nếu dây đàn vừa phải, không căng quá, cũng

không chùng quá, thì tiếng đàn có đáng ưa không?”

Sa-môn Nhị Thập Ưc đáp:

“Bạch Thế Tôn, đáng ưa.”

Đức Thế Tôn nói:

“Cũng vậy, này Sa-môn, quá sức tinh tấn sẽ khiến tâm rối loạn, nhưng chẳng tinh tấn thì tâm sẽ biếng lười. Vì vậy người hãy phân biệt thời gian nào nên quán sát tướng nào, chớ nên buông lung.”

Bấy giờ Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ưc sau khi nghe Đức Phật dạy, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Lãnh thọ ví dụ đàn cầm do Đức Phật dạy rồi, liền sống một mình ở nơi xa vắng, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Tôn giả ấy sau khi sống một mình ở nơi xa vắng, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, liền đạt được mục đích mà một thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, duy chỉ mong thành tựu phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ưc đã biết pháp rồi, v.v..., cho đến, chứng quả A-la-hán.

Lúc bấy giờ, sau khi đã chứng quả A-la-hán, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ưc nghĩ rằng: “Nay đã đến thời, ta có nên đi đến chỗ Đức Thế Tôn trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí của mình chăng?” Rồi thì Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ưc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ rồi ngồi xuống một bên mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo chứng đắc Vô sở trước⁴, dứt trừ các lậu, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, hữu kết đã giải trừ⁵, tự thân đạt được thiện nghĩa⁶, bằng

⁴ Hán: *Tỳ-kheo đắc Vô sở trước* 毘丘得無所著; Pāli: bhikkhu araham, vị Tỳ-kheo là A-la-hán.

⁵ Hán: *hữu kết dĩ giải* 有結已解; Pāli: parikkhīṇabhavasamyojano (*tận chư hữu kết*), đã diệt tận hoàn toàn các phiền não trói buộc dẫn tới tái sanh.

⁶ Hán: *tự đắc thiện nghĩa* 自得善義: tự mình đã đạt đến mục đích; Pāli: anuppattasadattho (*đãi đắc kỳ lợi*), đã đạt đến mục đích tối cao, chí thiện.

chánh trí mà chứng đắc giải thoát, thì tức khắc vị ấy liền vui nơi sáu trường hợp⁷: vui nơi vô dục, vui nơi viễn ly, vui nơi vô tránh, vui nơi ái tận, vui nơi thủ tận, và vui nơi tâm không di động⁸.

“Bạch Thế Tôn, hoặc có người nghĩ rằng: ‘Hiền giả này do y tín tâm nên vui nơi vô dục’. Người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới vui nơi vô dục.

“Bạch Thế Tôn, hoặc có người nghĩ rằng: ‘Hiền giả này vì thích được khen ngợi, muốn được cúng dường, cho nên vui nơi viễn ly’. Người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới vui nơi viễn ly.

“Bạch Thế Tôn, hoặc có người nghĩ rằng: ‘Hiền giả này do y trên giới nên vui nơi vô tránh’. Người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới vui nơi vô tránh, vui nơi ái tận, vui nơi thủ tận, và vui nơi tâm không di động.

“Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo chứng đắc Vô sở trước, dứt trừ các lậu, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, hữu kết đã giải trừ, tự thân đạt được thiện nghĩa, bằng chánh trí mà chứng đắc giải thoát, thì tức khắc vị ấy liền vui nơi sáu trường hợp này.

“Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo tu học tuy chưa đắc ý, mà mong cầu quả vị Niết-bàn an ổn vô thượng, vị ấy lúc bấy giờ chỉ mới thành tựu học căn và học giới, nhưng sau đó sẽ dứt trừ các lậu, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Vị ấy lúc bấy giờ đã thành tựu vô học căn và vô học giới.

“Bạch Thế Tôn, ví như một đồng tử thơ ấu, lúc bấy giờ chỉ mới

⁷ Hán: lạc thử lục xứ 樂此六處。 Pāli: cha thānāni adhimutto, quyết định trong sáu trường hợp.

⁸ Vô dục 無欲, viễn ly 遠離, vô tránh 無諍, ái tận 愛盡, thọ (= thủ) tận 受盡, tâm bất di động 心不移動。 Pāli: nekkhama (xuất gia), paviveka (ẩn dật), abyāpajjha (không não hại, hay không sân nhuế), taṇhākkhaya (đã diệt tận khát ái), upādanakkhaya (đã diệt tận chấp thủ), assammohā (vô si).

thành tựu tiểu căn và tiểu giới, nhưng sau đó được đầy đủ học căn. Như vậy là đồng tử đó lúc bấy giờ đã thành tựu học căn và học giới. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo tu học tuy chưa đắc ý nhưng mong cầu quả vị Niết-bàn an ổn vô thượng, vị ấy lúc bấy giờ chỉ mới thành tựu học căn và học giới, nhưng sau đó sẽ dứt trừ các lậu, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Vị ấy lúc bấy giờ đã thành tựu vô học căn và vô học giới.

“Vị ấy-nếu có sắc được nhận thức bởi mắt, khi sắc đó đến với mắt thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này phải bị vong thất, nội tâm được an trụ, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy. Nếu có tiếng được nhận thức bởi tai, hương được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, pháp được nhận thức bởi ý, khi pháp đến với ý thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này phải bị vong thất, nội tâm được an trụ, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy.

“Bạch Thế Tôn, ví như cách thôn không xa, có tòa núi đá lớn, không vỡ, không nứt mẻ, không yếu dòn, vững chắc, không trống hỏ, là một khối hợp nhất. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Đông đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Đông dờn đến phương Nam. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Nam đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Nam dờn đến phương Tây. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Tây đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Tây dờn đến phương Nam. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Bắc đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Bắc dờn đến các phương.

“Cũng vậy, bạch Thế Tôn, vị ấy nếu có sắc được nhận thức bởi mắt, khi sắc đó đến với mắt thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này sẽ bị vong thất, nội tâm được an trụ, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy. Nếu có tiếng được nhận thức bởi tai, hương được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi,

xúc được nhận thức bởi thân, pháp được nhận thức bởi ý. Khi pháp đó đến với ý thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này sẽ bị vong thất, nội tâm được an trú, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy.”

Khi ấy, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ưc liền nói bài tụng:

*Vui nơi vô dục⁹,
Thì tâm viễn ly;
Hoan hỷ vô tránh¹⁰,
Hân hoan thủ tận.
Vui nơi thủ tận,
Tâm không di động,
Biết đúng như thật,
Tâm được giải thoát.
Tâm đã giải thoát,
Căn trần tĩnh chỉ¹¹,
Việc làm đã xong¹²,
Không phải làm nữa.
Ví như núi đá,
Gió không lay nổi.
Sắc, thanh, hương, vị,
Thân, xúc cũng vậy;
Pháp ái, bất ái¹³,
Không làm động tâm.*

Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ưc sau khi đối trước Đức Phật trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Bấy giờ, sau khi Tôn giả Nhị Thập Ưc đi ra không bao lâu, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

⁹. Pāli: nekkhamma, xuất ly, xuất gia.

¹⁰. Pāli: avyāpajjha, không nào hại, không thù nghịch.

¹¹. Hán: *tức căn* 息根。Pāli: santacitta, tâm tịch tịnh.

¹². Hán: *tác dĩ bất quán* 作已不觀。Pāli: katassa paṭicayo n'atthi, không có sự làm thêm đối với điều đã làm.

¹³. Pāli: iṭṭhā dhammā aniṭṭhā ca, các pháp khả ái và không khả ái.

“Này các thiện nam tử, hãy nên đến trước Ta để trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí như vậy. Hãy như Sa-môn Nhị Thập Ưc, đi đến trước Ta trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí mà không khen mình, không khinh người, nói điều nghĩa lợi, hiển hiện pháp tùy theo các trường hợp; chớ nên như kẻ ngu si bị tăng thượng mạn trói buộc, đến trước mặt Ta trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí. Kẻ ấy không đạt được nghĩa lợi, chỉ toàn là sự phiền nhọc. Sa-môn Nhị Thập Ưc đi đến trước Ta trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí mà không khen mình, không khinh người, nói điều nghĩa lợi, hiển hiện pháp tùy theo các trường hợp.”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



124. KINH BÁT NẠN¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Người tu phạm hạnh có tám nạn², tám phi thời³. Những gì là tám?

“Vào lúc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu, xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì người ấy lúc bấy giờ đang sanh vào chốn địa ngục. Đó là nạn thứ nhất đối với người tu phạm hạnh.

“Lại nữa, vào lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu, xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì người ấy lúc bấy giờ đang sanh vào loài súc sanh, vào loài ngạ quỷ, sanh vào cõi trời Trường thọ⁴, sanh ở xứ biên địa mọi rợ, không tín, vô ân, không biết báo đáp, không có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Đó là nạn thứ

¹. Tương đương Pāli: A.8.29 Akkhaṇā. Tham chiếu, No.125 (42.1) Tăng Nhất 36, “phẩm Bát Nạn” kinh số 1.

². Bát nạn 八難。 Pāli: atth' akkhaṇā, tám trường hợp không may mắn, không gặp vận, bất hạnh.

³. Phi thời 非時。 Pāli: asamaya, không đúng lúc, trái thời.

⁴. Trường thọ thiên 長壽天, chỉ Vô tướng thiên. Pāli: dīghāyukam devanikāyam.

năm⁵ đối với người tu phạm hạnh.

“Lại nữa, vào lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì bấy giờ người ấy tuy sanh nhằm chốn văn minh⁶ nhưng lại điếc, câm, ú ớ như dê kêu⁷, dùng tay thay lời, không thể nói nghĩa thiện ác. Đó là nạn thứ sáu, việc phi thời thứ sáu đối với người tu phạm hạnh.

“Lại nữa, vào lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy thì bấy giờ người ấy tuy sanh nhằm chốn văn minh, không điếc, không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, có thể nói nghĩa thiện ác, nhưng lại có tà kiến và điên đảo kiến. Người ấy thấy như vậy và nói như vậy, ‘Không bố thí, không trai tự, không chú thuyết, không có nghiệp thiện ác, không có nghiệp báo của thiện ác, không có đời này đời khác, không cha không mẹ, ở đời không có bậc chân nhân⁸ đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng⁹, tự tri, tự giác, tự tác chứng thế giới này và thế giới khác¹⁰, thành tựu an trụ’. Đó là nạn thứ bảy đối với người tu phạm hạnh.

5. Trong này kể gồm luôn cả súc sanh (tiracchānayanim), ngạ quỷ (pettivisayam), Trường thọ thiên (dīghāyakam devanikāyam), và biên địa (paccantimesu janapadesu).

6. Trung Quốc 中國。 Pāli: majjhimesu janapadesu, chỉ những nước ở Trung bộ Ấn-độ.

7. Như dương minh 如羊鳴。 Pāli: eḷamūga, vừa điếc vừa câm.

8. Chân nhân 真人; bản Pāli: samaṇabrāhmaṇā, Sa-môn Bà-la-môn.

9. Thiện khứ thiện hướng 善去善向。 Pāli: sammaggatā sammā paṇipannā, chánh hành, chánh hướng 正行正向: đi đúng hướng, đang hướng thẳng đến Niết-bàn.

10. Tự tri tự giác... Pāli: ye imaṅca lokam paraṅca lokam sayam abhiññā sacchikatvā pavedeti, những vị tự mình bằng trí tuệ siêu việt đã chứng nghiệm thế giới này và thế giới khác, rồi tuyên bố.

“Lại nữa, vào lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu không xuất hiện ở thế gian, cũng không thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy thì bấy giờ người ấy lại sanh nhằm chốn văn minh, không điếc, không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, lại có thể nói nghĩa thiện ác và có chánh kiến, không có điên đảo kiến. Người ấy thấy như vậy và nói như vậy, ‘Có bố thí, có trai tự, cũng có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo của thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ, ở đời có bậc chân nhân, đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hưởng, tự tri, tự giác, tự tác chứng thế giới này và thế giới khác, thành tựu an trụ’. Đó là nạn thứ tám, việc phi thời thứ tám đối với người tu phạm hạnh.

“Người tu phạm hạnh có một điều không nạn, một việc đúng thời. Thế nào là một điều không nạn, một việc đúng thời đối với người tu phạm hạnh? Lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu không xuất hiện ở thế gian, cũng không thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì bấy giờ người ấy sanh nhằm chốn văn minh, không điếc, không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, lại có thể nói nghĩa thiện ác, có chánh kiến, không có điên đảo kiến. Người ấy thấy như vậy và nói như vậy, ‘Có bố thí, có trai tự, cũng có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo của thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ, ở đời có bậc chân nhân, đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hưởng, tự tri, tự giác, tự tác chứng thế giới này và thế giới khác, thành tựu an trụ’. Đó là điều không tai nạn, việc đúng thời đối với người tu phạm hạnh.”

Khi ấy Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

*Nếu được làm thân người,
Pháp được thuyết vi diệu,
Mà không chứng đạo quả,
Tất không phải gặp thời.
Nói nhiều nạn phạm hạnh,
Người ở vào đời sau;*

Nếu như gặp phải thời,
 Điều quá khó ở đời.
 Muốn được lại thân người,
 Và nghe pháp vi diệu;
 Cần phải siêng năng học
 Mình tự thương mình thôi.
 Luận bàn, nghe pháp lành
 Chớ chân chừ lỗ díp
 Nếu để mất díp này,
 Tất lo đọa địa ngục.
 Nếu không sanh gặp thời,
 Không được nghe pháp lành;
 Như người buôn mất cửa;
 Chịu sanh tử không cùng.
 Nếu sanh được thân người,
 Được nghe pháp chánh thiện,
 Vâng theo Thế Tôn dạy,
 Chắc chắn sẽ gặp thời.
 Nếu đã gặp thời rồi,
 Siêng tu chánh pháp hạnh,
 Để tự thành pháp nhãn,
 Đấng Nhật Thân¹¹ đã nói.
 Người ấy thường tự giữ
 Tiến lên, lìa các sử,
 Đoạn diệt mọi kết sử,
 Hàng ma, quyến thuộc ma;
 Người ấy vượt thế gian,
 Đã diệt tận các lậu.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹¹. Nhật thân 日親, bà con của mặt trời, chỉ dòng họ Thích. Pāli: ādiccabandhu.

125. KINH BẦN CÙNG¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ở đời, người có tham dục mà lại bần cùng, phải chăng là sự bất hạnh lớn?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu một người có tham dục, lại bần cùng, lại mang nợ tài vật của người khác. Ở đời, người mang nợ tài vật của người khác, phải chăng là đại bất hạnh?”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

“Nếu một người có tham dục, mang nợ tài vật của người khác mà không trả đúng hạn được, cứ hẹn rày, hẹn mai; ở đời cứ khất nợ mãi, phải chăng là đại bất hạnh?”

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu một người có tham dục, cứ khất nợ mãi không trả được, chủ nợ đến đòi; ở đời bị chủ nợ đòi, phải chăng là đại bất hạnh?”

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

¹ Tương đương Pāli, A. 6. 45. Dāliddiya (iṇasutta).

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

“Nếu chủ nợ đến đòi, mà người có tham dục kia không thể trả được, chủ nợ cứ đến đòi mãi; ở đời bị chủ nợ đòi mãi, phải chăng là đại bất hạnh?”

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

“Nếu chủ nợ cứ đòi mãi, nhưng kẻ tham dục kia vẫn không thể trả được, liền bị chủ nợ bắt trói lại; ở đời bị chủ nợ bắt trói lại, phải chăng là đại bất hạnh?”

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

“Đó là, ở đời, người có tham dục lại bản cùng là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục vay nợ tài vật của người khác là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục vay nợ tài vật của người khác mà khất mãi là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục bị chủ nợ đòi nợ là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục bị chủ nợ đòi mãi là đại bất hạnh. Ở đời, người có tham dục bị chủ nợ bắt trói là đại bất hạnh. Cũng vậy, nếu ai đối với Thánh pháp mà không tin ở thiện pháp, không giữ cấm giới, không nghe nhiều, không bố thí, không trí tuệ; đối với thiện pháp, dù có nhiều kim ngân, lưu ly, thủy tinh, ma ni, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đại môi xa cừ, bích ngọc, xích thạch, tuyền châu, nhưng người ấy vẫn là kẻ nghèo nàn cô thế. Như vậy, trong Thánh pháp của Ta, gọi là sự bản cùng, bất thiện.

“Kẻ ấy thân làm việc ác, miệng nói ác và ý nghĩ ác, như thế trong Thánh pháp của Ta gọi là sự vay nợ bất thiện.

“Kẻ ấy muốn che giấu việc làm ác của thân, không tự tỏ bày, không muốn nói ra, không thích bị quở trách, không ưa theo điều phải. Muốn che giấu lời nói ác, ý nghĩ ác, không tự tỏ bày, không muốn nói ra, không thích bị khiển trách, không ưa theo điều phải, như thế trong Thánh pháp của Ta gọi là sự khất nợ bất thiện.

“Kẻ ấy hoặc sống trong thôn ấp hay ở ngoài thôn ấp, các người phạm hạnh thấy được bèn nói như thế này: ‘Này chư Hiền, người này làm như thế, hành vi như thế, ác như thế, bất tịnh như thế. Đó là cái gai

của thôn ấp'. Kẻ ấy liền bào chữa, 'Này chư Hiền, tôi không làm như vậy, không có hành vi như vậy, không ác như vậy, không bất tịnh như vậy, cũng không phải là cái gai của thôn ấp'. Như thế, trong Thánh pháp của Ta gọi là sự đòi nợ bất thiện.

"Kẻ ấy hoặc ở rừng vắng, hoặc ở núi non, dưới gốc cây, hoặc ở chỗ vắng vẻ, nhưng vẫn niệm tưởng ba việc bất thiện: dục, nhuế, hại. Như thế trong Thánh pháp của Ta gọi là sự không ngớt đòi nợ bất thiện.

"Kẻ ấy thân đã làm việc ác, miệng đã nói lời ác và ý đã nghĩ điều ác. Do đó, kẻ ấy khi thân hoại mạng chung nhất định sanh vào chỗ ác, sanh trong địa ngục. Như thế, trong Thánh pháp của Ta gọi là sự trói buộc của bất thiện.

"Ta không thấy có sự trói buộc nào đau khổ bằng, nặng nề bằng, tàn khốc bằng, khó yêu nổi bằng sự trói buộc trong địa ngục, nga quý, súc sanh. Ba sự trói buộc đau khổ này chỉ có bậc Tỳ-kheo A-la-hán lậu tận mới biến tri và diệt tận, nhổ phăng cội rễ, vĩnh viễn không còn tái sanh."

Rồi Đức Thế Tôn nói tụng rằng:

*Kẻ nghèo khổ ở đời
Vay nợ của người khác;
Đã vay tiền của rồi,
Mắc nợ người là khổ.
Chủ nợ đến đòi nợ,
Nhân đấy bắt trói lại;
Bị trói thật khổ thay,
Thế gian vẫn lạc dục.
Trong Thánh pháp cũng vậy;
Nếu không có chánh tín,
Không tâm và không quý,
Thân làm điều bất thiện,
Miệng ý chẳng kém gì,
Che giấu không nói ra,
Không ưa lời dạy phải,
Giả sử có tu hành,
Tâm niệm cho là khổ,*

Hoặc thôn hay chỗ vắng,
 Nhân đó sanh hồi hận.
 Các việc thân, miệng gây,
 Và những điều ý nghĩ,
 Ác nghiệp cứ tăng dần,
 Quen làm lại làm nữa,
 Tạo ác mãi không thôi.
 Làm nhiều bất thiện rồi,
 Thọ sanh đã đến lúc,
 Tất bị trói địa ngục.
 Buộc ràng quá khổ này,
 Bạc Đại Hùng đã thoát.
 Đúng pháp thu tiền tài,
 Không nợ nần, an ổn.
 Bồ thí được hoan hỷ
 Cả hai² đều có lợi;
 Các Cư sĩ theo đây,
 Do trí, phước tăng mãi.
 Trong Thánh pháp cũng vậy,
 Nếu có thành tín vững,
 Đây đủ đức tâm quý,
 Rộng rãi không keo kiệt,
 Dứt lia năm triền cái,
 Thường ưa hành tinh tấn,
 Thành tựu các thiền định,
 Chuyên nhất, tâm tĩnh lạc³.
 Niềm vui không tài sản⁴,
 Cũng như nước tắm trong;
 Bất động tâm giải thoát⁵,

2. Hạnh phúc trong đời này (ditṭhadhamomahitatthāya) và an lạc trong đời sau (samparāyasukhāya).

3. Mãn cụ thường khí lạc 滿具常棄樂。 Pāli: ekodi nipako sato, chuyên nhất, cẩn thận, có chánh niệm.

4. Vô thực lạc 無食樂。 Pāli: nirāmisam sukham, sự an lạc không do vật chất.

*Trừ sạch các hữu kết.
Không bệnh là Niết-bàn;
Đó là đèn vô thượng,
Vô ưu, vô nhiễm lạc⁶,
Gọi là không di động.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



⁵ Bất động tâm giải thoát 不動心解脫。 Pāli: akuppā me vimutti.

⁶ Vô trần an 無塵安。 Pāli: virajam khema, sự an ổn không dính bụi.

126. KINH HÀNH DỤC¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Cư sĩ Cấp Cô Độc² đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Ngài rồi ngồi xuống một bên, thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, ở đời có bao nhiêu hạng người hành dục³?”

Đức Thế Tôn dạy:

“Này Cư sĩ, ở đời gồm có mười hạng người hành dục. Những gì là mười?”

“Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, này Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một

¹. Bản Hán, quyển 30. Tương đương Pāli, A. 10. 91 Kāmaḥogī.

². Cấp Cô Độc Cư sĩ 給孤獨居士。 Pāli: Anāthapiṇḍiko gahapati.

³. Hành dục (nhân) 行欲人。 Pāli: kāmaḥogī, người hưởng thụ dục lạc.

cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Nhưng khi có của cải rồi lại bị đấm nhiễm, hệ lụy. Khi đã bị hệ lụy, đấm

nhiệm, không thấy được tai hoạn, không biết đến sự xuất yếu mà tiêu dùng. Đó là một hạng người hành dục.

“Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Khi có của cải rồi, không đắm nhiễm, không hệ lụy. Đã không hệ lụy, không đắm nhiễm, thấy được tai hoạn, biết được sự xuất yếu mà tiêu dùng. Đó là một hạng người hành dục.

“Này Cư sĩ, nếu có người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu, thì kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là thấp hèn nhất.

“Này Cư sĩ, nếu có người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy tự nuôi thân đầy đủ cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu, thì kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là tối thượng.

“Này Cư sĩ, nếu có người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Khi có của cải rồi, không đắm nhiễm, không hệ lụy. Đã không hệ lụy, không đắm nhiễm, thấy được tai hoạn, biết sự xuất yếu khi tiêu dùng, thì kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu.

“Cũng như con bò có sữa, do sữa có lạc, do lạc có sanh tô, do sanh tô có thực tô, do thực tô có tô tinh. Tô tinh là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu. Này Cư sĩ, cũng như vậy, so với các người hành dục khác, kẻ hành dục này là tối đệ nhất, tối đại, tối

thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói tụng rằng⁴:

*Nếu phi pháp kiếm của;
 Vừa pháp vừa phi pháp;
 Không cúng, không tự dùng,
 Không bố thí, tạo phước;
 Cả hai đều mang họa,
 Kẻ hành dục thấp nhất.
 Nếu kiếm của hợp pháp,
 Đã lo được tự thân,
 Cung cấp và tự dùng,
 Bố thí và tạo phước,
 Cả hai đều có đức;
 Kẻ hành dục tối thượng.
 Nếu được tuệ xuất yếu,
 Hưởng lạc sống tại gia,
 Thấy tai hoạn, tri túc,
 Tiết kiệm dùng tài vật,
 Kẻ được tuệ xuất dục,
 Là hành dục trên hết.*

Phật thuyết như vậy. Cư sĩ Cấp Cô Độc và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



⁴. Bản Pāli không có kệ tụng.

127. KINH PHƯỚC ĐIỀN¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Cư sĩ Cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật rồi ngồi xuống một bên, thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn, ở đời có bao nhiêu hạng người phước điền²?”

Đức Thế Tôn dạy:

“Này Cư sĩ, ở đời có hai hạng người phước điền. Những hạng người nào là hai? Một là hạng học nhân³, hai là hạng vô học nhân⁴.

“Hạng hữu học có mười tám, hạng vô học có chín.

“Này Cư sĩ, mười tám hạng người hữu học là những ai? Là tín hành, pháp hành, tín giải thoát, kiến đạo, thân chứng⁵, gia gia⁶, nhất

1. Tương đương Pāli A.2.4.4 Dakkhiṇeyya (Samacittavaggo). Hán, Biệt dịch, No.99 (992).

2. Phước điền nhân 福田人。 Pāli: dakkhiṇeyya, người xứng đáng được cúng dường.

3. Học nhân 學人, chỉ các bậc Thánh dưới A-la-hán quả, vì còn phải học. Pāli: sekha.

4. Vô học nhân 無學人, chỉ vị đắc quả A-la-hán, không cần phải học nữa. Pāli: aseka.

5. Tín hành, hay Tùy tín hành; Pháp hành hay Tùy pháp hành; Tín giải thoát hay Tín thắng giải; Kiến đạo hay Kiến chí và Thân chứng. Xem kinh số 195.

6. Gia gia 家家 (Pāli: Kolaṅkola), những vị chứng quả Dự lưu (Sotāpanna) phải thọ sanh từ nhân gian lên thiên thượng hay từ thiên thượng xuống nhân gian, trước khi chứng đắc Niết-bàn. Nhất chủng 一種 (Pāli: Ekabīja), những vị chứng quả Dự lưu chỉ tái sanh một lần trước khi đắc Niết-bàn. Cả hai hạng này thuộc Nhất lai hướng hay Tư-dà-hàm hướng (Sakadāgāmi-magga), tức từ Dự lưu quả hướng đến Nhất lai quả.

chủng, hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm, trung Bát-niết-bàn, sanh Bát-niết-bàn, hành Bát-niết-bàn, vô hành Bát-niết-bàn, thượng lưu sắc cứu cánh⁷. Đó là mười tám hạng hữu học.

“Này Cư sĩ, chín hạng người vô học là những ai? Tư pháp, thăng tấn pháp, bất động pháp, thối pháp, bất thối pháp, hộ pháp, hộ tắc bất thối bất hộ tắc thối⁸, thật trụ pháp, tuệ giải thoát, câu giải thoát. Đó là chín hạng vô học⁹.”

Khi ấy Đức Thế Tôn nói tụng:

*Học, vô học trong đời,
Đáng tôn, đáng phụng kính;
Các ngài tu chánh thân,
Miệng, ý cũng chánh hạnh.
Ruộng tốt cho tại gia,
Cúng dường được phước lớn.*

Phật thuyết như vậy. Cư sĩ Cấp Cô Độc và các Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



-
7. Năm hạng A-na-hàm (Ngũ bất hoàn 五不還) xem Tập Dị 14 (Đại 26, trang 425 c-26 c): 1. *Trung Bát-niết-bàn* (Pāli: antaraparinibbāyi), nhập Niết-bàn ngay sau khi vừa thác sanh lên Tịnh cư thiên (Niết-bàn với thân trung hữu, theo Hữu bộ); 2. *Sanh bát Niết-bàn* (Pāli: upahacca-parinibhāyi): thác sanh Tịnh cư thiên một thời gian mới nhập Niết-bàn; 3. *Hữu hành Bát-niết-bàn* (Pāli: sasaṅkhāra-parinibbāyi): thác sanh thượng giới, tinh tấn tu tập mới nhập Niết-bàn; 4. *Vô hành Bát-niết-bàn* (Pāli: asaṅkhāra-parinibhāyi): không cần tinh tấn tu tập nữa; 5. *Thượng lưu sắc cứu cánh* (Pāli: uddhamṣota-akanittha-gāmi), lần lượt tái sanh qua các cõi từ Sơ thiên, cho đến tầng cao nhất của Sắc giới, nhập Niết-bàn tại đó.
8. Đối chiếu với sáu hạng A-la-hán trong luận Câu-xá 25 (No.1558, Đại 26, trang 129a, tt.): 1. *Thối pháp* (thối bất thối), gặp nghịch duyên bị sụt xuống các bậc Thánh thấp hơn; 2. *Tư pháp*, mong cầu Vô dư Niết-bàn cấp thời vì sợ thối thất; 3. *Hộ pháp* (hộ tắc bất thối, bất hộ tắc thối), do thủ hộ mà không bị thối thất; 4. *An trụ pháp* (thật trụ), không bị chi phối nghịch duyên để thối thất, nhưng không tiến tới; 5. *Kham đạt pháp* (thăng tiến), có khả năng tiến tới bất động tánh. 6. *Bất động tánh* căn cơ mãnh lợi, không bị chi phối bởi bất cứ duyên gì.
9. Bản Pāli và No.99 (992) không đề cập đến các chi tiết, chỉ nói đại cương hai hạng phước điền và bài tụng.

128. KINH ƯU-BÀ-TẮC¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Cư sĩ Cấp Cô Độc cùng chúng Ưu-bà-tắc gồm có năm trăm người đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử. Cư sĩ Cấp Cô Độc cúi đầu đánh lễ rồi ngồi xuống một bên. Năm trăm Ưu-bà-tắc cũng làm lễ rồi ngồi xuống một bên. Cư sĩ Cấp Cô Độc và năm trăm Ưu-bà-tắc sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Xá-lê Tử thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu sự hoan hỷ. Ngài dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu sự hoan hỷ rồi, liền rời chỗ ngồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật và ngồi xuống một bên.

Sau khi Tôn giả Xá-lê Tử đi chẳng bao lâu, Cư sĩ Cấp Cô Độc và năm trăm Ưu-bà-tắc cũng đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi Tôn giả Xá-lê Tử và mọi người đã an tọa, Đức Thế Tôn dạy:

“Này Xá-lê Tử, nếu thầy biết rằng bạch y Thánh đệ tử² gìn giữ, thực hành năm pháp một cách hoàn hảo và được bốn tầng thượng tâm³, hiện pháp lạc trú, dễ được chữ không phải khó được. Xá-lê Tử, thầy nên xác nhận rằng Thánh đệ tử này không còn đọa địa ngục, cũng

¹ Tương đương Pāli A.5.179: Gihi-sutta.

² Bạch y Thánh đệ tử 白衣聖弟子。 Pāli: gihi odātavasana, tại gia áo trắng.

³ Bốn tầng thượng tâm 增上心, ở đây chỉ bốn chứng tịnh hay bốn bất hoại tín, (xem Pháp Uẩn 2, No.1537, trang 460a). Pāli: cataro ābhicetasikā dhammā; xem đoạn dưới.

không còn sanh vào loài súc sanh, ngạ quỷ và các chỗ ác, được quả Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, nhất định thẳng tiến tới quả vị Chánh giác, tối đa chịu bảy lần sanh tử nữa. Sau bảy lần qua lại cõi trời, nhân gian, liền được chấm dứt khổ đau.

“Xá-lê Tử, thế nào là bạch y Thánh đệ tử khéo giữ gìn và thực hành năm pháp⁴? Đó là bạch y Thánh đệ tử xa lìa sát sanh, vứt bỏ dao gậy, có tâm tâm quý, tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng, người ấy đối với sự sát sanh, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ nhất mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

“Lại nữa, này Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử xa lìa việc lấy của không cho, dứt trừ việc lấy của không cho. Khi nào cho mới lấy, vui với việc cho mới lấy, thường ưa bố thí, hoan hỷ không keo kiệt, không mong đền trả, không tham lam, thấy tài vật của kẻ khác không lấy về mình⁵. Người ấy đối với việc không cho mà lấy tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ hai mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

“Lại nữa, Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử xa lìa tà dâm, dứt trừ tà dâm. Người nữ kia hoặc có cha giữ gìn, hoặc có mẹ giữ, hoặc cả cha cả mẹ cùng giữ, hoặc anh em giữ, hoặc chị em giữ, hoặc gia nương giữ, hoặc thân tộc giữ, hoặc người cùng họ giữ, hoặc là vợ của người khác, hoặc có phạt gậy⁶, khủng bố, hoặc đã có ước hẹn bằng tài hóa, cho đến bằng một tràng hoa⁷; đối với tất cả những người nữ ấy, không xâm phạm đến. Người ấy đối với tà dâm, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ ba

⁴. Thiện hộ hành ngũ pháp 善護行五法。Pāli: pañcasu sikkhāpadesu saṃvutta- kammanto, hoạt động được phòng hộ trong năm điều học, tức hộ trì năm giới.

⁵. Bất dĩ thân sở phú thường tự hộ dĩ 不以偷所覆常自護以, không bị ám ảnh bởi việc ăn trộm. Sau khi thường tự giữ gìn... Câu này bất thường so với các nơi khác cũng trong bản Hán này. Ở đây dịch theo thông lệ của các trường hợp kia.

⁶. Hữu tiên phạt, khủng bố 有鞭罰恐怖, roi vọt và đe dọa; hai hạng nữ không là vợ hay con của ai, nhưng một hạng được pháp luật vua gìn giữ; và một hạng vốn là nô tỳ được chủ gìn giữ.

⁷. Người nữ đã hứa hôn.

mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

“Lại nữa, Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử xa lìa nói dối, dứt trừ nói dối; nói lời chân thật, ưa sự chân thật, an trụ nơi sự chân thật, không đời đời sai chày. Tất cả những lời nói đều đáng tin, không lừa dối thế gian. Người ấy đối với sự nói dối, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ tư mà bạch y Thánh đệ tử giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

“Lại nữa, Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử lìa rượu, bỏ rượu. Người ấy đối với việc uống rượu, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ năm mà bạch y Thánh đệ tử giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

“Này Xá-lê Tử, thế nào là bạch y Thánh đệ tử được bốn tâm tăng thượng, hiện pháp lạc trú, dễ chứ không phải khó được⁸? Đó là bạch y Thánh đệ tử niệm tưởng Như Lai⁹, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Chúng Hựu. Nhớ nghĩ Như Lai như vậy rồi, nếu có những ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, sâu khổ, âu lo cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử nương vào Như Lai, tâm tịnh được hỷ, nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện nhớp nhơ, sâu khổ, âu lo cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ nhất, hiện pháp lạc trú, dễ được chứ không phải khó được.

“Lại nữa, Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử niệm tưởng Pháp¹⁰ được Thế Tôn khéo giảng, pháp chắc chắn đưa đến cứu cánh, không phiền, không nhiệt, hằng hữu, không di động. Quán pháp như vậy, biết pháp như vậy, nhớ nghĩ pháp như vậy rồi nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện nhớp nhơ, sâu khổ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử duyên vào pháp, tâm tịnh được hỷ. Nếu có những điều ác dục, liền được

⁸. Nghĩa là, do có bốn tăng thượng tâm (*catunnaṃ ābhicetasikānaṃ*) mà sống an lạc ngay trong hiện tại (*ditṭhadhammavihārānaṃ*).

⁹. Hán: niệm Như Lai 念如來; Pāli: *buddhe aveccappasādena samannāgato*, thành tựu niềm tin không dao động đối với Phật. Có bốn niềm tin bất động, gọi là bốn chứng tịnh hay bất hoại tín; xem đoạn tiếp của kinh.

¹⁰. Hán: niệm Pháp. Pāli: *dhamme aveccappasādena samannāgato*, thành tựu niềm tin bất động nơi Pháp.

tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ hai.

“Lại nữa, Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử niệm chúng Tăng¹¹, Thánh chúng của Như Lai là những bậc thiện thú hướng, chánh thú hướng, như lý hành, pháp tùy pháp hành, chúng ấy thật có A-la-hán hướng, A-la-hán quả, có A-na-hàm hướng, A-na-hàm quả, có Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm quả, có Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả. Đó là bốn cặp tám bậc, là chúng của Như Lai thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến, đáng kính, đáng trọng, đáng phụng, đáng cúng, là ruộng phước an lành của thế gian. Người ấy nhớ nghĩ chúng của Như Lai như vậy, nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử duyên vào chúng của Như Lai, tâm được hoan hỷ, nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ ba, hiện pháp lạc trú dễ được chứ không phải khó được.

“Lại nữa, Xá-lê Tử, bạch y Thánh đệ tử tự niệm tướng giới¹², giới này không nứt mẻ, không rách nát, không ô uế, không cấu bẩn, vững như mặt đất, không hư vọng, đó là điều mà Đức Phật ngợi khen, thọ trì đầy đủ tốt đẹp. Người ấy tự nhớ nghĩ giới như vậy, nếu có những điều ác dục, liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, sầu khổ, nhớp nhơ, âu lo cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử duyên vào giới, tâm định được hỷ. Nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ tư, đối với hiện pháp lạc trú dễ được chứ không phải khó được.

“Này Xá-lê Tử, nếu thầy biết rằng bạch y Thánh đệ tử giữ gìn

¹¹. Niệm Tăng. Pāli: saṅghe aveccappasādena samannāgato.

¹². Tự niệm thi-lại 自念尸賴。Pāli: ariyakantehi sīlehi aveccappasādena samannāgato, thành tựu các học giới mà Thánh ái mộ.

và thực hành năm pháp một cách hoàn hảo và được bốn tâm tăng thượng, hiện pháp lạc trú, dễ được chứ không phải khó được, thì này Xá-lê Tử, thầy nên ghi nhận rằng ‘Thánh đệ tử này không còn đọa địa ngục, cũng không sanh vào loài súc sanh, ngạ quỷ và các chỗ ác, được quả Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, nhất định thẳng tiến đến quả vị Chánh giác, tối đa chịu bảy lần sanh tử nữa, sau bảy lần qua lại cõi trời và nhân gian, liền được chấm dứt khổ đau’.”

Khi ấy Đức Thế Tôn nói tụng rằng:

*Kẻ trí sống tại gia,
Thấy địa ngục, sợ hãi;
Do thọ trì Thánh pháp,
Trừ bỏ tất cả ác.
Không sát hại chúng sanh,
Biết rồi hay liả bỏ,
Chân thật không nói dối,
Không trộm của kẻ khác;
Tri túc với gia phụ,
Không ái lạc vợ người;
Dứt bỏ việc uống rượu,
Gốc tâm loạn cuồng si.
Thường nên niệm chánh giác,
Suy nghĩ các pháp lành.
Niệm Tăng, quán cấm giới,
Do đó được hoan hỷ.
Muốn hành hạnh bố thí,
Mà cầu mong hưởng phước,
Trước thí bậc tịch tịnh¹³,
Như vậy thành quả báo.
Ta nói, bậc tịch tịnh,
Xá-lợi nên nghe kỹ.
Nếu có đen và trắng,
Dù sắc đỏ hay vàng*

¹³. Hán: tiên thí ư túc tâm 先施於息心, bố thí cho người có tâm tịch tĩnh trước hết. Pāli: santesu paṭhamam dinnā.

Tạp sắc, sắc đang yêu¹⁴,
 Bò và các chim câu,
 Tùy loại chúng sanh ra.
 Bò thuần, đi phía trước,
 Thân sức thành đầy đủ;
 Đi nhanh lại về nhanh,
 Dùng theo khả năng chúng,
 Kể gì sắc tốt xấu.
 Nhân gian này cũng vậy,
 Tùy theo chỗ thọ sanh,
 Sát-đế-ly, Phạm chí,
 Cư sĩ hay thợ thuyền,
 Tùy thọ sanh của họ,
 Trưởng thượng do tịnh giới.
 Bạc Vô Trước, Thiện Thệ,
 Cúng thí ấy, quả lớn.
 Phạm phu, vô sở trí,
 Không tuệ, không học hỏi,
 Thí nơi ấy, quả nhỏ.
 Không quang minh rọi đến,
 Nơi nào rọi quang minh,
 Phật đệ tử trí tuệ,
 Tín tâm nơi Thiện Thệ,
 Thiện căn được vững bền,
 Người ấy sanh thiện xứ,
 Như ý chứng Gia gia,
 Tối hậu đắc Niết-bàn,
 Như vậy có duyên cả.

Phật thuyết như vậy. Tôn giả Xá-lê Tử, chư Tỳ-kheo, Cư sĩ Cấp Cô Độc và năm trăm Ưu-bà-tắc sau khi nghe lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



¹⁴. Mang sắc ái lạc sắc 形色愛樂色。Pāli: kammaśasu sarūpāsu, (những con bò) có đốm hay cùng màu. Hình như bản Hán đọc là surūpa thay vì sarūpa.

129. KINH OÁN GIA¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bảy pháp oán gia² để gây thành oán gia; tức là khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Những gì là bảy?

“Oán gia thì không muốn oán gia có sắc đẹp. Vì sao oán gia không muốn oán gia có sắc đẹp? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không xả bỏ sân nhuế, thì người ấy tuy luôn tắm gội, dùng danh hương thoa mình, nhưng sắc thân³ vẫn xấu. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ nhất gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia ngủ nghỉ an lành. Vì sao oán gia không muốn oán gia ngủ nghỉ an lành? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, thì người ấy tuy nằm trên giường vua, trải bằng thảm lông chim, phủ bằng gấm vóc lụa là, có nệm mềm, hai đầu kê gối, được phủ bằng

¹. Tương đương Pāli A.7.60. Kōdhana-sutta.

². Thất oán gia pháp 七怨家法。Pāli: sattime dhammā sapattakantā sapattakaraṇā, bảy pháp được kẻ thù yêu thích, tạo thành kẻ thù.

³. Sắc, đây chỉ màu da. Pāli: vanna.

thảm quý, bằng da sơn dương⁴, nhưng giấc ngủ vẫn âu lo, đau khổ. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ hai để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có lợi lớn. Vì sao oán gia không muốn oán gia có lợi lớn? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, thì người ấy đáng lẽ được lợi, hai điều ấy không trái nhau, thật là bất lợi lớn. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ ba để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có bằng hữu. Vì sao oán gia không muốn oán gia có bằng hữu? Người hay sân nhuế bị tác động bởi tâm sân nhuế, bị chi phối bởi tâm sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, thì người ấy nếu có bằng hữu thân thiết, họ cũng tìm cách lánh mặt bỏ đi. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ tư để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có sự khen ngợi. Vì sao oán gia không muốn oán gia có sự khen ngợi? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, người ấy danh ô tiếng xấu đồn khắp. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ năm để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia quá giàu sang. Vì sao oán gia không muốn oán gia quá giàu sang? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, người ấy tạo nghiệp thân, khẩu, ý như vậy khiến mất nhiều tài vật. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ sáu để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

⁴ Ca-lăng-già-ba-hòa-la-ba-già-tất-đa-la-na, phiên âm. *Ca-lăng-già*: tên xú. *Ba-hòa-la*: dịch là ác. *Ba-già-tất-đa-la-na*: dịch là áo gối (phiên *Phạn ngữ 10*, No.2130, trang 1051b). Pāli: kadalimigapavara-paccattharaṇa.

“Lại nữa, oán gia thì không muốn để oán gia khi thân hoại mạng chung được đến chỗ an lành, sanh ở cõi trời. Vì sao oán gia không muốn oán gia đến chỗ an lành? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, thân khẩu ý tạo ác nghiệp. Người ấy sau khi thân, khẩu, ý tạo ác nghiệp, thân hoại mạng chung chắc chắn đến chỗ ác, sanh trong địa ngục. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ bảy để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

“Đó là cả bảy pháp oán gia gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.”

Khi ấy Đức Thế Tôn nói tụng rằng:

*Người sân, sắc da xấu
 Nằm ngủ, khổ không yên;
 Đáng lẽ được của nhiều,
 Trở lại bị bất lợi.
 Kẻ bằng hữu thân thiết,
 Xa lìa người sân nhuế;
 Luôn luôn tập sân nhuế,
 Tiếng xấu đồn khắp nơi.
 Sân gây nghiệp thân khẩu,
 Nhuế buộc ràng nghiệp ý;
 Người bị nhuế chế ngự,
 Mất tất cả tài vật.
 Sân nhuế sanh bất lợi,
 Sân nhuế sanh tâm nhớ;
 Sợ sệt sanh bên trong,
 Người không thể biết được.
 Người sân không biết nghĩa,
 Người sân không hiểu pháp,
 Không mắt, mù mịt tối,
 Là người ưa sân nhuế.
 Nhuế dậy, sắc da ghê,
 Như lửa mới bốc khói,
 Từ đó sanh ghét ghen,*

Duyên sân lại do đó.
Việc làm của người sân,
Dù thiện và bất thiện,
Sau khi cơn sân qua,
Nóng lòng như lửa đốt.
Gọi là nghiệp phiền nhiệt,
Và các pháp buộc ràng;
Tất cả Ta đã nói,
Các người hãy nghe kỹ.
Người sân nghịch hại cha,
Và với cả anh em,
Cũng giết hại chị em,
Người sân nhiều tàn khốc.
Sanh ra và lớn lên,
Được thấy thế gian này,
Nhờ mẹ được sống còn,
Khi sân cũng sát hại.
Không xấu, không hổ thẹn,
Sân triền, không nói năng,
Người bị sân chế ngự,
Miệng nói không chứa gì.
Tạo tác tội nghịch si,
Để mình tự yếu mạng,
Khi làm không tự biết,
Do sân sanh sợ hãi.
Tự buộc trói thân mình,
Ái lạc không cùng cực,
Dù ái niệm tự thân,
Người sân cũng tự hại.
Hoặc tự đâm bằng dao,
Hoặc nhảy xuống hang sâu,
Hay dùng dây thắt cổ,
Uống các loại thuốc độc,
Đó là tượng sân nhuế.
Là chết bởi vì sân,

*Tất cả đều dứt hết,
Dùng tuệ mới biết được.
Nghệp bất thiện dù nhỏ,
Người trí biết liền trừ.
Nên nhận nại hạnh này,
Màu da không dũ dằn,
Không nhuế, cũng không ưu,
Khói tắt không lay động,
Chế ngự đoạn sân nhuế,
Tịch diệt, không còn lậu.*

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.



130. KINH GIÁO¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc².

Bấy giờ, Tôn giả Đàm-di³, vị tôn trưởng địa phương⁴ làm chủ Phật-đồ⁵, được mọi người tôn sùng, tánh tình hung bạo, nóng nảy, rất cộc cằn thô lỗ, hay mắng nhiếc các vị Tỳ-kheo. Vì vậy, các vị Tỳ-kheo địa phương⁶ đều bỏ đi, không muốn sống ở đó. Các Ưu-bà-tắc địa phương thấy các vị Tỳ-kheo địa phương đều bỏ đi, không muốn ở đó, liền nghĩ rằng: “Các vị Tỳ-kheo địa phương này vì sao lại bỏ đi, không muốn sống ở đây?” Rồi các vị Ưu-bà-tắc địa phương nghe được rằng: “Tôn giả Đàm-di, vị tôn trưởng địa phương, làm chủ Phật-đồ, được mọi người tôn sùng, tánh tình hung bạo, nóng nảy, rất cộc cằn thô lỗ, hay mắng nhiếc các Tỳ-kheo. Vì vậy các Tỳ-kheo địa phương đều bỏ đi, không muốn sống ở đó.”

Các vị Ưu-bà-tắc nghe việc ấy rồi, liền cùng nhau kéo đến Tôn

-
- ¹. Tương đương Pāli A.6.54 Dhammika-sutta.
 - ². Bản Pāli: Phật tại Rājagaha, núi Gijjhakūṭa.
 - ³. Đàm-di 曇彌。 Pāli: Dhammika thera, nguyên là một Bà-la-môn ở Kosala, quy Phật vào lúc rừng Jetavana được cúng.
 - ⁴. Sanh địa tôn trưởng 生地尊長。 Pāli: Jātibhūmiyaṃ āvasiko.
 - ⁵. Phật-đồ chủ 佛圖主, có lẽ muốn nói Phật tháp. Bản Pāli: sattasu āvāsesu, trong bảy trú xứ (ở địa phương). Hình như tất cả đều do Dhammika làm chủ.
 - ⁶. Bản Hán: sanh địa chư Tỳ-kheo 生地諸比丘。 Bản Pāli: āgantukā bhikkhū, các Tỳ-kheo khách.

giả Đàm-di, xua đuổi ông ra khỏi các chùa địa phương⁷. Bấy giờ Tôn giả Đàm-di bị các vị Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi ra khỏi các tinh xá địa phương, liền vấn y, mang bát du hành đến nước Xá-vệ, dần dà đến vườn Cấp cô độc, rừng Thắng. Rồi Tôn giả Đàm-di đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Ngài, ngồi sang một bên mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đối với Ưu-bà-tắc địa phương không có điều gì xấu xa, chẳng nói việc chi, không xúc phạm đến ai, nhưng các Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi con ra khỏi các chùa địa phương.”

Khi đó, Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Thôi đủ rồi, này Đàm-di, cần chi phải nói việc đó.”

Tôn giả Đàm-di chấp tay hướng Phật, bạch lại một lần nữa rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đối với Ưu-bà-tắc địa phương không có điều gì xấu xa, chẳng nói việc chi, không xúc phạm đến ai, nhưng các Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi con ra khỏi các tinh xá địa phương.”

Đức Thế Tôn cũng lần thứ hai bảo rằng:

“Đàm-di, thuở xưa, ở châu Diêm-phù này có các thương nhân đi thuyền ra biển, mang theo con ó tìm bờ. Bọn người ấy ra biển chưa bao xa, họ thả con ó tìm bờ. Nếu con ó tìm bờ đến được bờ của biển cả, nó sẽ vĩnh viễn không trở lại thuyền. Nếu con ó tìm bờ không đến được bờ của biển cả, nó sẽ trở lại thuyền. Người cũng vậy, này Đàm-di, bởi vì người bị các Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi ra khỏi các chùa địa phương nên người mới trở về chỗ Ta. Thôi, đủ rồi Đàm-di, còn cần gì phải nói điều đó nữa.”

Tôn giả Đàm-di bạch lại lần thứ ba:

“Bạch Thế Tôn, con đối với Ưu-bà-tắc địa phương không có điều gì xấu xa, chẳng nói việc chi, không xúc phạm đến ai, nhưng các Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi con ra khỏi các tinh xá địa phương.”

⁷. Bản Pāli nói: Bị xua đuổi, Tôn giả đến một tinh xá khác cũng trong địa phương. Nhưng vừa đến Tôn giả lại mắng nhiếc các Tỳ-kheo ở đó, họ lại bỏ đi và Tôn giả lại bị các Cư sĩ kéo đến xua đuổi. Cứ như vậy, Tôn giả sống bảy nơi tất cả tại địa phương (*sabbaso jātibhūmiyam sattasu āvāsesu*). Cuối cùng, Tôn giả phải tìm đến Đức Phật tại Rājagaha, núi Gijjhakūta.

Đức Thế Tôn cũng lại lần thứ ba bảo rằng:

“Đàm-di, người trụ trong Sa-môn pháp mà vì các Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi ra khỏi các tinh xá địa phương sao?”

Lúc đó Tôn giả Đàm-di liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng Phật, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Sa-môn trụ trong pháp Sa-môn?”

Đức Thế Tôn dạy:

“Này Đàm-di, thuở xưa, khi con người sống đến tám vạn tuổi. Đàm-di, khi con người sống đến tám vạn tuổi, châu Diêm-phù này cực kỳ giàu sang hạnh phúc, dân cư đông đúc, thôn ấp gần nhau bằng khoảng một con gà bay.

“Khi con người sống đến tám vạn tuổi, con gái đến năm trăm tuổi mới lấy chồng. Đàm-di; khi con người sống đến tám vạn tuổi, chỉ có các bệnh như vậy: đại tiện, tiểu tiện, lòng dục, ăn uống và già.

“Đàm-di, khi con người sống đến tám vạn tuổi, có một vị vua tên là Cao-la-bà⁸, thông minh trí tuệ, làm Chuyển luân vương, có bốn loại binh chủng chinh trị thiên hạ; là Pháp vương hành theo chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu; đó là bảy báu. Có đủ một ngàn người con, tướng mạo đoan chánh, dũng mãnh vô úy, có thể khuất phục mọi kẻ địch. Vua ấy thống lãnh tất cả cõi đất đai cho đến biển cả, không cai trị bằng đao gậy mà chỉ bằng chánh pháp trị hóa, khiến được an ổn.

“Đàm-di, vua Cao-la-bà có một gốc cây tên là Thiện trụ ni-câu-loại thọ⁹ vương¹⁰. Đàm-di, Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương có năm cành. Cành thứ nhất dành cho vua và hoàng hậu ăn. Cành thứ nhì dành cho thái tử và các quan ăn. Cành thứ ba dành cho nhân dân trong nước ăn. Cành thứ tư dành cho Sa-môn, Phạm chí ăn. Cành thứ năm dành cho cầm thú ăn. Đàm-di, quả của cây Thiện trụ ni-

⁸. Cao-la-bà 高羅婆。 Pāli: Koravya, trong các truyện bản sanh thường được nói là vua của bộ tộc Kuru.

⁹. Bản Cao-li không có chữ thọ. Ba bản Tống-Nguyên-Minh đều có.

¹⁰. Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương 善住尼拘類壽王。 Pāli: Suppatittha-nigrodha-rājā.

câu-loại thọ vương lớn bằng cái hủ hai thặng, mùi vị như mật nguyên chất. Đàm-di, quả Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không ai canh giữ mà cũng chẳng ai trộm cắp. Về sau có một người đói khát gầy còm, nhan sắc tiêu tụy, muốn được ăn quả, nó đến cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương ăn quả rồi bẻ gãy cành cây hái quả đem về. Trên cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương có một vị trời nương ở đó. Ông ấy nghĩ rằng: ‘Lạ thay, người ở châu Diêm-phù vô ân, không biết báo đáp. Vì sao? Vì nó ăn quả nơi cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương rồi bẻ gãy cành cây, hái quả đem về. Mong cho cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không có quả, không sanh quả nữa!’ Tức thì cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không có quả, cũng không sanh quả.

“Rồi lại có một người đói khát, gầy còm, nhan sắc tiêu tụy, muốn được ăn quả, đi đến cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không có quả, cũng không sanh quả, tức thì đến vua Cao-la-bà tâu rằng: ‘Tâu Thiên vương, nên biết, cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không có quả, cũng không sanh quả nữa’.

“Vua Cao-la-bà nghe xong, trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi cánh tay biến khỏi Câu-lâu-sấu, đến cõi Tam thập tam thiên, đứng trước Thiên Đế Thích¹¹ mà tâu rằng: ‘Tâu Câu-dực¹² nên biết, cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương không có quả, cũng không sanh quả nữa. Khi đó, Thiên Đế Thích và vua Cao-la-bà trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi cánh tay biến khỏi cõi Tam thập tam thiên, đến nước Câu-lâu-sấu, cách cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương đứng lại. Thiên Đế Thích thực hiện Như ý tức như vậy¹³, bằng Như ý tức như kỳ tượng, hóa làm nước lớn, gió bão và mưa to. Do nước lớn, gió bão và mưa to, cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương bị tróc gốc ngã đổ.

“Lúc đó có vị trời sống trên cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương nhận thấy như vậy mới buồn khổ, sầu thương, khóc lóc chảy

¹¹. Thiên Đế Thích. Pāli: Sakka devānam Inda.

¹². Câu-dực 拘翼。Pāli: Kosika, biệt danh Thiên Đế Thích.

¹³. Tác như kỳ tượng như ý tức. Pāli: tathārūpaṃ iddhābhisamkhāraṃ abhisamkhāsi, thực hiện một loại thần thông như thế.

nước mắt, đứng trước mặt Thiên Đế Thích, Thiên Đế Thích hỏi, ‘Thiên, vì lẽ gì mà ông buồn khổ, sầu thương, khóc lóc rơi lệ, đứng trước mặt ta?’ Vị trời kia thưa rằng: ‘Tâu Câu-dục, nên biết, nước lớn, gió bão, mưa to, cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương bị tróc gốc ngã đổ’. Khi ấy, Thiên Đế Thích bảo Thọ thiên kia rằng: ‘Thiên, ông là Thọ thiên, trụ Thọ thiên pháp¹⁴ mà để nước lớn, gió mạnh, mưa to làm cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương bị tróc gốc ngã đổ sao?’ Thọ thiên thưa rằng: ‘Tâu Câu-dục, thế nào gọi là Thọ thiên trụ Thọ thiên pháp?’ Thiên Đế Thích bảo, ‘Thiên, giả sử có người muốn đẽ cây, cứ lấy rế cây đi; muốn đẽ cành cây, nhánh cây, lá cây; hoa quả, cứ đem đi, Thọ thiên không nên giận dữ, không nên ghen ghét, tâm không nên thù hận, Thọ thiên vẫn an trụ trên thọ thiên với ý niệm buông xả. Như vậy gọi là Thọ thiên trụ Thọ thiên pháp’. Vị trời kia lại tâu rằng: ‘Tâu Câu-dục, tôi là Thọ thiên mà không trụ Thọ thiên pháp. Từ nay về sau tôi sẽ trụ Thọ thiên pháp. Ước mong cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương trở lại như cũ’. Rồi thì Thiên Đế Thích thực hiện Như ý túc như vậy. Thực hiện Như ý túc như vậy xong, lại hóa làm nước lớn, gió bão, mưa to. Hóa làm nước lớn, gió bão, mưa to xong, cây Thiện trụ ni-câu-loại thọ vương liền trở lại như cũ.

“Này Đàm-di, cũng vậy, nếu có Tỳ-kheo bị người mắng nhiếc, không mắng nhiếc lại; bị người sân giận không sân giận lại; bị người quấy phá, không quấy phá lại; bị đánh đập không đánh đập lại. Này Đàm-di, như vậy gọi là Sa-môn trụ Sa-môn pháp.”

Lúc đó, Tôn giả Đàm-di liền từ chỗ ngồi, trích vai áo đang mặc, chấp tay hướng Phật khóc lóc rơi lệ, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con không phải là Sa-môn trụ Sa-môn pháp. Từ nay về sau con sẽ là Sa-môn trụ Sa-môn pháp.”

Đức Thế Tôn dạy:

“Xưa có một Đại sư tên là Thiện Nhân¹⁵, được các ngoại đạo

¹⁴. Thọ thiên pháp 樹天法。Pāli: rukkhadhamma, đây hiểu là đạo lý tự nhiên của cây.

¹⁵. Đại sư Thiện Nhân 大師善眼。Pāli: Sunetto nāma satthā, một trong sáu vị tôn sư cổ đại, thường được kể trong các mẫu truyện cổ Phật giáo.

tiên nhân tôn làm tôn sư, lìa bỏ ái dục, được như ý túc. Đàm-di, Thiện Nhân đại sư có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Đàm-di, Thiện Nhân đại sư nói Phạm thế pháp¹⁶ cho các đệ tử nghe. Đàm-di, khi Thiện Nhân đại sư nói Phạm thế pháp cho các đệ tử, trong các đệ tử có người không phụng hành trọn vẹn, thì người ấy sau khi mạng chung, hoặc sanh lên cõi trời Tứ thiên vương, hoặc sanh cõi trời Tam thập tam thiên, hoặc sanh cõi trời Diêm-ma, hoặc sanh cõi trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh cõi trời Hóa lạc, hoặc sanh cõi trời Tha hóa lạc. Đàm-di, khi Thiện Nhân đại sư nói Phạm thế pháp cho đệ tử nghe, trong các đệ tử có người phụng hành trọn vẹn, người ấy tu bốn phạm thất¹⁷, lìa bỏ dục. Khi mạng chung rồi được sanh lên cõi trời Phạm thiên. Đàm-di, khi ấy Thiện Nhân đại sư nghĩ rằng: ‘Đời sau ta không nên cùng các đệ tử đồng sanh đến một chỗ. Bây giờ ta hãy tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sẽ được sanh vào cõi trời Hoảng dục. Đàm-di, sau đó Thiện Nhân đại sư liền tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sanh vào cõi trời Hoảng dục. Đàm-di, Thiện Nhân đại sư và các đệ tử học đạo không luống công, được quả báo lớn. Cũng như Thiện Nhân đại sư, có các Đại sư Mâu-lê-phá-quần-na, A-la-na-giá Bà-la-môn, Cù-đà-lê-xá-đa, Hại-đề-bà-la Ma- nạp, Thù-đề-ma-lê Kiều-đệ-bà-la và Thất-đa Phú-lâu-hê-đa¹⁸.

“Đàm-di, Đại sư Thất-đa Phú-lâu-hê-đa cũng có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Đàm-di, Đại sư Thất-đa Phú-lâu-hê-đa nói Phạm thế pháp cho các đệ tử. Trong số các đệ tử có người không phụng hành trọn vẹn pháp đã dạy, người ấy sau khi thân hoại mạng chung, hoặc sanh lên cõi trời Tứ thiên vương, hoặc sanh cõi trời Tam thập tam thiên, hoặc sanh cõi trời Diêm-ma, hoặc sanh cõi trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh cõi trời Hóa lạc, hoặc sanh cõi trời Tha hóa. Đại sư Thất-đa Phú-lâu-hê-đa khi

¹⁶. Phạm thế pháp 梵世法, pháp dẫn đến đời sống trên Phạm thiên. Pāli: Brahma-lokasahavyatāya dhamma.

¹⁷. Phạm thất hay phạm trụ.

¹⁸. Danh sách sáu Đại sư thời cổ: Mâu-lê-phá-quần-na, Pāli: Mūgapakkha; A-la-na-giá Bà-la-môn, Pāli: Aranemi Brāhmaṇa; Cù-đà-lê-xá-đa, Pāli: Kuddālakasattā; Hại-đề-bà-la Ma- nạp, Pāli: Hatthipāla mānava; Thù-đề-ma-lê Kiều-đệ-bà-la, Pāli: Jotipāla govinda; Thất-đa Phú-lâu-hê-đa, Pāli: Satta purohita.

nói Phạm thế pháp, trong số các đệ tử có người phụng hành trọn vẹn pháp ấy, tu bốn phạm thất, lìa bỏ dục ái. Người ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào cõi trời Phạm thiên. Đàm-di, Đại sư Thất-đa Phú-lâu-hê-đa nghĩ rằng: ‘Đời sau ta không nên cùng các đệ tử sanh cùng một chỗ. Bây giờ ta nên tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sẽ được sanh vào cõi trời Hoảng dục’. Đàm-di, sau đó vị Đại sư thứ bảy Thất-đa Phú-lâu-hê-đa tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ rồi, mạng chung được sanh lên cõi trời Hoảng dục. Đàm-di, Đại sư Thất-đa Phú-lâu-hê-đa và các đệ tử học đạo không hư dối, được quả báo lớn.

“Đàm-di, nếu có người nào mắng nhiếc bảy vị Đại sư và vô lượng trăm ngàn đệ tử kia, cùng đánh phá, sân nhuế, trách móc họ, chắc chắn chịu vô lượng tội. Nhưng đối với một Tỳ-kheo đã thành tựu chánh niệm, một đệ tử Phật chứng đắc tiểu quả, mà có ai mắng nhiếc, đả phá sân nhuế, trách móc vị ấy thì tội nhiều hơn thế nữa.

“Thế cho nên, này Đàm-di, các người hãy luôn luôn nhắc nhở, thủ hộ lẫn nhau. Vì sao như vậy? Vì ngoài sự quá thất này, không còn sự quá thất nào hơn nữa¹⁹.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Tu-niết²⁰, Mâu-lê-phá-quần-na,
A-la-na-giá Bà-la-môn,
Cù-đà-lê-xá-đa,
Hại-đề-bà-la Ma-nạp,
Thù-đề-ma-lê Kiều-đệ-bà-la và
Thất-đa Phú-lâu-hê-đa,
Trong đời quá khứ ấy
Danh đức bảy tông sư,
Bi tâm, không nhiễm ái,
Dục kết đã dứt trừ.
Trăm ngàn số đệ tử,
Vô lượng đếm sao vừa,*

¹⁹. Pāli: Nāham (...) ito bahiddā evarūpam khantim vādāmi. Ngoài sự nhẫn nại này, ta nói không còn sự nhẫn nại nào như vậy nữa.

²⁰. Sunetta, xem chú thích trên.

Cũng đều ly dục kiết,
 Dù cứu cánh còn chưa.
 Với các tiên nhân ấy,
 Thủ trì khổ hạnh này,
 Ai ôm lòng oán hận,
 Tội mạng nhiều thay.
 Huống chi với Phật tử,
 Quả thấy trì kiến ngay;
 Ai chửi mắng, đập phá,
 Tội nghiệp lại tràn đầy.
 Nay Đam-di, do đó,
 Hãy biết thủ hộ nhau;
 Sở dĩ hộ trì nhau,
 Tội nặng nào hơn đâu.
 Như thế thật quá khổ;
 Bạc Thánh cũng ghét bỏ,
 Màu da lại dữ dằn²¹;
 Chớ thủ tà kiến xứ.
 Đó là hạng thấp hèn,
 Thánh pháp gọi như thế²².
 Dù chưa lìa dâm dục,
 Có diệu ngũ căn này:
 Tín, tinh tấn, niệm xứ,
 Chánh định, chánh quán đây.
 Khổ kia mình chịu vậy,
 Trước phải thọ họa tai²³.
 Họa tai đã tự thọ,

- ²¹. Hán: tất đắc thọ ác sắc 必得受惡色。 Pāli: nā sādthurūpaṃ āside, dùng công kích người (có sắc diện) đoan chánh. Có lẽ Hán hiểu āside là "hãy ngồi gấn" do gốc động từ sīdati, ngồi.
- ²². Bản Pāli: sattamo puggalo eso, ariyaśaṅghassa vuccati, người ấy (xả bỏ tà kiến) được nói là cao cả trong hàng Thánh chúng. Hình như bản Hán hiểu ngược lại?
- ²³. Dịch sát như vậy, nhưng không rõ nghĩa. Pāli nói: tādisam bhikkhum āsajja, pubbeva upahaññati, ai công kích Tỳ-kheo (dù chưa ly dục nhưng đã có ngũ diệu căn: tín, tấn v.v...) như vậy, nó bị tai họa trước.

*Sau nữa gây hại người.
Ai hay tự thủ hộ,
Tất thủ hộ bên ngoài.
Cho nên hãy tự hộ,
Kẻ trí hoan lạc thay!*

Phật thuyết như vậy, Tôn giả và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



131. KINH HÀNG MA¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Bạt-kì-sấu, trong núi Ngạc, rừng Bó, vườn Lộc dã².

Lúc bấy giờ Đại Mục-kiền-liên đang coi việc dựng thiên thất cho Phật³. Trong lúc Tôn giả đang kinh hành trên khoảng đất trống, bấy giờ Ma vương hóa hình nhỏ xíu, chui vào trong bụng của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghĩ như vậy, “Bụng ta cảm thấy nặng, giống như đang ăn phải hạt đậu. Ta hãy nhập Như kỳ tượng định, bằng Như kỳ tượng định ta nhìn vào bụng xem.”

Rồi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đi đến cuối đường kinh hành, trải ni-sư-đàn, ngồi xếp kiết già, nhập như kỳ tượng định, bằng như kỳ tượng định mà nhìn vào bụng mình, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thấy Ma vương đang ở trong đó. Tôn giả bèn ra khỏi định, nói với Ma vương:

“Này Ba-tuần, người hãy đi ra! Này Ba-tuần, người hãy đi ra! Chớ có xúc nhiều Như Lai, cũng chớ xúc nhiều đệ tử của Như Lai. Đừng sống mãi trong sự vô nghĩa, vô ích mà phải tái sanh ác xứ, thọ vô lượng khổ.”

Khi ấy, Ma vương liền nghĩ: “Sa-môn này không thấy, không biết, thế mà lại nói: ‘Này Ba-tuần, người hãy đi ra! Này Ba-tuần, người hãy đi ra! Chớ có xúc nhiều Như Lai, cũng chớ xúc nhiều đệ tử của Như Lai. Đừng sống mãi trong sự vô nghĩa, vô ích mà phải tái sanh ác xứ, thọ vô lượng khổ’. Tôn sư của ông ta có đại như ý túc, có đại oai

¹. Tương đương Pāli M.50. Māratajjaniya-sutta. Biệt dịch No.66 và No.67.

². Ngạc sơn, Bó lâm: xem cht.3, kinh 74.

³. No.66 cũng nói dữ kiện này. No.67 và Pāli không có.

đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, cũng không thể thấy mau lẹ, biết mau lẹ như vậy, huống nữa là đệ tử mà thấy biết được sao!”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên lại nói với Ma vương rằng:

“Ta lại biết trong ý của ngươi, ngươi nghĩ như vậy, ‘Sa-môn này không thấy, không biết, thế mà lại nói: ‘Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Chớ có xúc nhiều Như Lai, cũng chớ xúc nhiều đệ tử của Như Lai. Đừng sống mãi trong sự vô nghĩa, vô ích mà phải tái sanh ác xứ, thọ vô lượng khổ’. Tôn sư của ông ta có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, cũng không thể thấy mau lẹ, biết mau lẹ như vậy, huống nữa là đệ tử mà thấy biết được sao!’”

Ma Ba-tuần kia nghĩ rằng: “Sa-môn này đã thấy và biết ta nên mới nói như vậy.” Rồi ma Ba-tuần hóa hình nhỏ xíu, từ trong miệng vọt ra, đứng ngay trước mặt Tôn giả Đại Mục-kiền-liên.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo rằng:

“Này ma Ba-tuần, thuở xưa, có Như Lai tên là Giác-lich-câu-tuần-đại⁴, Đấng Vô Sở Trước, Đấng Chánh Giác. Lúc đó ta làm ma có tên là Ác⁵. Ta có người em gái⁶ tên là Hắc⁷. Người chính là con trai của nó. Này ma Ba-tuần, vì lẽ đó cho nên ngươi là cháu gọi ta bằng cậu.

“Này ma Ba-tuần, Đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, Vô Sở Trước, Đấng Chánh Giác có hai đệ tử, một tên là Âm⁸, hai tên là Tưởng⁹. Này Ba-tuần, do ý nghĩa nào được gọi là Âm? Ba-tuần, Tôn giả đó lúc sống trên cõi trời Phạm thiên, tiếng nói bình thường của ngài vang cả ngàn thế giới, lại không có một đệ tử nào có âm thanh ngang bằng, hoặc tương tự, hoặc trội hơn được. Này Ba-tuần, vì lẽ ấy cho nên Tôn giả đó được gọi là Âm vậy. Ba-tuần, lại do ý nghĩa nào mà Tôn giả Tưởng có tên là Tưởng? Này Ba-tuần, Tôn giả Tưởng nương nơi thôn ấp mà du hành. Khi đêm đã qua, lúc trời hừng sáng, Tôn giả ấy

⁴ Giác-lich-câu-tuần-đại 覺 磔 拘 荀 大。 No.66: Câu-lâu-tôn. No.67: Câu-lâu-tân. Pāli: Kakusandha.

⁵ Ác 惡。 No.66: xúc nhiều ma. No.67: sân hận. Pāli: Dūsī.

⁶ No.66 cũng nói là *muội*. No.67 nói là *tỷ*, chị. Pāli: Bhaginī.

⁷ Hắc 黑。 No.67: Yểm hắc. Pāli: Kālī.

⁸ Âm 音; Pāli: Vidhura.

⁹ Tưởng 想; Pāli: Sañjīva.

đắp y, mang bình bát, đi vào thôn ấp khát thực, cẩn thận thủ hộ thân, thu nhiếp các căn, giữ vững chánh niệm. Ngài sau khi khát thực xong và sau khi ăn vào lúc giữa trưa, thâu vén y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-đàn trên vai, đi vào rừng vắng vẻ, hoặc đến dưới gốc cây trong rừng sâu, hoặc đến chỗ không tĩn, trải ni-sư-đàn ngồi kiết già, liền nhập Tưởng tri diệt định một cách mau chóng. Lúc ấy có những người đang lừa trâu, dê, người đi mót cỏ, hoặc người đi đường, họ vào trong núi, thấy ngài nhập Tưởng tri diệt định, bèn nghĩ rằng: ‘Nay Sa-môn này ngồi mà chết trong khu rừng vắng vẻ này. Chúng ta hãy nhặt cỏ khô chất đống phủ lên trên, ràng rịt cẩn thận, lượm củi chất chồng lên trên thân để hỏa thiêu’. Họ bèn nhặt cỏ chất đống phủ lên thân ngài, nổi lửa đốt rồi bỏ mà đi. Tôn giả kia, sau khi đêm đã qua, trời vừa hừng sáng, ra khỏi định, đập phủi y phục, du hành trở về thôn ấp, đắp y, mang bình bát vào thôn ấp khát thực như thường lệ, khéo giữ gìn thân căn, giữ vững chánh niệm. Những người lừa trâu, dê, những người mót cỏ khô, hoặc người đi đường vào trong núi đã gặp Tôn giả trước kia, họ bèn nghĩ: ‘Đây là Sa-môn ngồi mà chết trong khu rừng vắng vẻ này. Chúng ta đã nhặt cỏ khô chất đống phủ trên thân, nổi lửa đốt rồi bỏ đó mà đi. Song Hiền giả này vẫn còn biết tưởng¹⁰.’ Nay Ba-tuần, vì lẽ đó cho nên Tôn giả Tưởng được gọi là Tưởng vậy.

“Nay Ba-tuần, lúc ấy ác ma nghĩ rằng: ‘Sa-môn trọc đầu này bị da đen trói chặt¹¹, bị tuyệt chủng, không con cái, học thiền, dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét¹². Giống như con lừa trợn ngày mang nặng, bị cột lại trong tàu, không được ăn lúa mạch,

¹⁰. Thử Hiền giả cánh phục tưởng 此賢者更復想; Pāli: ayam samaṇo... svāyaṃ paṭisañjivito, Sa-môn này tự mình sống lại. Ở đây, sañjīva: người còn sống; bản Hán đọc là saññīva: người còn có tưởng.

¹¹. Dĩ hắc sở phược 以黑所縛。 Pāli: kiṇhā bandhupādāpacca, đen điu, nòi giống ti tiện (sinh từ bàn chân của bà con của Phạm thiên). Trong bản Hán, bandhu, bà con, được đọc là bandha, sự cột trói.

¹². Cố dịch sát: học thiền, tứ, tăng tứ, sắc sắc tăng tứ 學禪伺增伺數數增伺。 Pāli: jhāyanti, pajjhāyanti, nijjhāyanti, apajjhāyanti (chúng nó thiền, chúng nó thiền trầm ngâm, chúng nó thiền đắm đuối, chúng nó thiền si dại). Hán tăng tứ thường dịch chữ abhiijhā, tham cầu (theo nghĩa, dòm ngó tài sản người khác), được hiểu cùng gốc động từ jhāyati: thiền hay tư duy.

nó dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét; Sa-môn trọc đầu này bị da đen trói chặt, tuyệt chủng, không con cái, chúng nó học thiên, dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét.

“Giống như con mèo ngồi rình bên hang chuột, vì muốn bắt chuột nên nó dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét; cũng vậy, Sa-môn trọc đầu này bị da đen trói chặt, tuyệt chủng không con cái, chúng nó học thiên, dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét.

“Cũng giống như con cú mèo¹³ ở giữa đồng củi khô, vì muốn bắt chuột nên nó dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét; cũng vậy, Sa-môn trọc đầu này bị da đen trói chặt, tuyệt chủng không con cái, chúng nó học thiên, dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét.

“Giống như con chim hạc¹⁴ ở bên bờ nước, vì muốn bắt cá nên nó dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét; cũng vậy, Sa-môn trọc đầu này bị da đen trói chặt, bị tuyệt chủng không con cái, chúng nó học thiên, dò xét, ngong ngóng dò xét, luôn luôn ngong ngóng dò xét.

“Chúng dò xét cái gì? Dò xét với mục đích gì? Dò xét để mong cái gì? Chúng nó loạn trí, phát cuồng, bại hoại. Ta chẳng biết chúng nó ở đâu đến, cũng chẳng biết chúng nó đi về đâu, chẳng biết chúng nó sống ở đâu, chẳng biết chúng nó chết như thế nào, sanh như thế nào? Ta hãy dạy bảo các Phạm chí, Cư sĩ rằng: ‘Người hãy đi đến mà chửi, mà đập, mà phá, mà rửa xả Sa-môn tinh tấn kia’. Vì sao vậy? Khi bị chửi, bị đập, bị phá, bị rửa xả, biết đâu chúng nó chẳng nổi ác tâm để ta dễ lợi dụng.’

“Bấy giờ ác ma bèn xúi dục các Cư sĩ, Phạm chí. Các Cư sĩ, Phạm chí ấy chửi, đập phá, rửa xả Sa-môn tinh tấn. Các Cư sĩ, Phạm chí ấy hoặc dùng cây đánh, hoặc lấy đá ném, hoặc vác gậy đập, có khi gây thương tích Sa-môn tinh tấn, có khi làm rách toạc áo, có khi

¹³. Nguyên Hán: hưu hồ 鵓狐, có lẽ chính xác là con hưu lưu 鵓鷓, loại cú tai mèo, bắt chuột. Pāli: ulūka, con cú.

¹⁴. Hạc diều 鶴鳥, chính xác nên hiểu là con sếu; nhưng bản Pāli: kotthu naditīre, con dã can bên bờ sông.

làm bể bình bát. Bấy giờ trong số Cư sĩ, Phạm chí ấy do nhân duyên này thân hoại mạng chung phải đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Chúng sanh vào đó rồi, suy nghĩ như vậy, ‘Ta phải thọ khổ này, lại phải thọ cực khổ hơn nữa. Vì cớ sao? Vì chúng ta đã đối xử tàn ác với Sa-môn tinh tấn vậy’.

“Này Ba-tuần, đệ tử của Đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước, Đấng Chánh Giác mang đầu thương tích, mang y rách toạc, mang bình bát bể, đi đến chỗ Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đấng Chánh Giác. Lúc bấy giờ Đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đấng Chánh Giác đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn quyến thuộc vây quanh. Đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đấng Chánh Giác trông thấy từ xa một đệ tử mang đầu bị thương tích, y rách toạc, bình bát bể đi đến. Ngài thấy vậy, bảo các Tỳ-kheo rằng: ‘Các người có thấy chăng, ác ma đã xúi dục các Cư sĩ, Phạm chí rằng ‘Các người hãy đến mà chửi, mà đập, mà rửa xả Sa-môn tinh tấn. Vì cớ sao? Khi bị chửi, bị đập, bị rửa xả, biết đâu chúng nó chẳng nổi ác tâm để ta dễ dàng lợi dụng’.’ Này các Tỳ-kheo, hãy với tâm tương ứng với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ bao trùm tất cả, tâm tương ứng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không náo hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Bi và hỷ cũng vậy. Tâm tương ứng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Với tâm ấy khiến ác ma không thể lợi dụng’.

“Này ma Ba-tuần, Đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đấng Chánh Giác bằng giáo pháp như vậy mà dạy đệ tử. Họ bèn thọ lãnh giáo pháp ấy, tâm tương ứng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng lớn bao la, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Với tâm ấy, ác ma kia không thể lợi dụng được.

“Này ma Ba-tuần, lúc đó ác ma lại nghĩ: ‘Bằng sự việc ấy ta muốn lợi dụng Sa-môn tinh tấn mà không thể được. Bây giờ ta hãy xúi dục các Cư sĩ, Phạm chí rằng: ‘Các người hãy đến phụng kính, cúng dường, lễ sự Sa-môn tinh tấn’. Biết đâu do sự phụng kính, cúng

dường, lễ sự Sa-môn tinh tấn, chúng nó chẳng nổi ác tâm để ta dễ dàng lợi dụng’.

“Này Ma Ba-tuần, các Cư sĩ, Phạm chí kia sau khi bị ác ma xúi dục, họ đến phụng kính, cúng dường, lễ sự Sa-môn tinh tấn. Họ lấy áo trải lên mặt đất mà nói rằng ‘Sa-môn tinh tấn, xin đạp lên mà đi. Sa-môn tinh tấn thường làm những việc khó làm, khiến cho chúng tôi mãi mãi được lợi ích, được an ổn khoái lạc’. Hoặc có Phạm chí trải tóc lên mặt đất, nói rằng ‘Sa-môn tinh tấn, xin đạp lên tóc mà đi. Sa-môn tinh tấn thường làm những việc khó làm, khiến cho chúng tôi mãi mãi được lợi ích, được an ổn khoái lạc’. Hoặc có Cư sĩ, Phạm chí hai tay bưng đủ các loại ẩm thực, đứng bên dưới đọi và nói rằng ‘Sa-môn tinh tấn, xin nhận vật thực này, xin cứ mang đi tùy ý mà thọ dụng, để cho tôi mãi mãi được lợi ích, được an ổn khoái lạc’. Các Cư sĩ, Phạm chí thành tín thấy Sa-môn tinh tấn, cung kính bồng bế vào nhà, đem đủ thứ tài vật ra cho Sa-môn tinh tấn và nói rằng: ‘Xin thọ nhận cái này, xin thọ dụng cái này, xin mang cái này đi, tùy ý mà thọ dụng’. Lúc bấy giờ trong số các Cư sĩ, Phạm chí đó có người chết, do nhân duyên này thân hoại mạng chung được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Sau khi sanh vào đó, họ bèn nghĩ ‘Ta đáng thọ hưởng sự an lạc này, lại sẽ thọ hưởng cực lạc hơn nữa. Vì sao thế? Vì chúng ta đã làm các việc lành với Sa-môn tinh tấn vậy’.

“Này ma Ba-tuần, đệ tử của Đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, sau khi được phụng kính, cúng dường, lễ sự, họ đi đến Đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Lúc đó Đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn đệ tử vây quanh. Khi Đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác trông thấy từ xa các đệ tử được phụng kính, cúng dường, lễ sự đang đi đến, thấy vậy, ngài bảo các Tỳ-kheo rằng: ‘Các người có thấy chăng? Ác ma xúi dục các Cư sĩ, Phạm chí rằng ‘Các người hãy đến, phụng kính, cúng dường, lễ sự Sa-môn tinh tấn’. Biết đâu do phụng kính, cúng dường, lễ sự Sa-môn tinh tấn, chúng sẽ nổi ác tâm để ta dễ dàng lợi dụng. Này các Tỳ-kheo, các người hãy quán các hành vô thường, quán các pháp hưng suy, quán vô dục, quán xả ly, quán diệt, quán

đoạn để cho bọn ác ma không thể lợi dụng’.

“Này ma Ba-tuần, Đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác bằng giáo pháp như vậy mà dạy các đệ tử, họ bèn thọ lãnh giáo pháp ấy, quán các hành vô thường, quán pháp hưng suy, quán vô dục, quán xả ly, quán diệt, quán đoạn, khiến cho ác ma không thể lợi dụng.

“Này ma Ba-tuần, lúc đó ác ma bèn nghĩ: ‘Bằng việc ấy ta muốn lợi dụng Sa-môn tinh tấn mà không được. Ta hóa hình làm một đứa nhỏ¹⁵ tay cầm cây gậy lớn, đứng bên đường, đánh vỡ đầu Tôn giả Âm, khiến máu chảy ướm cả mặt’.

“Này ma Ba-tuần, Đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác sau đó đang du hành trong thôn ấp. Khi đêm đã qua, lúc trời hừng sáng, mang y bát vào trong thôn xóm khát thực, Tôn giả Âm đi hầu theo phía sau. Ma Ba-tuần, lúc ấy ác ma hóa hình làm một đứa bé, tay cầm một cây gậy lớn đứng bên đường, đánh vỡ đầu Tôn giả Âm, khiến máu chảy ướm cả mặt. Ma Ba-tuần, Tôn giả Âm sau khi bị vỡ đầu chảy máu, vẫn đi theo sau Đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác như bóng không rời hình. Này ma Ba-tuần, Đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, Bạc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác sau khi đến thôn ấp, bằng sức mạnh cực kỳ của bản thân, Ngài xoay nhìn theo phía hữu, như cái nhìn của một voi chúa, không sợ không hãi, không kinh không khiếp, quán sát khắp mọi phía. Này ma Ba-tuần, Đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, Bạc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nhìn thấy Tôn giả Âm đầu bị chảy máu ướm cả mặt, đang đi theo sau Phật như bóng không rời hình, bèn nói rằng: ‘Ác ma thật là hung bạo này có đại oai lực, ác ma này không biết vừa đủ’.

“Này ma Ba-tuần, Đức Giác-lich-câu-tuần-đại Như Lai, Đấng Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói chưa xong thì ngay tại chỗ đó ác ma liền bị đọa vào đại địa ngục Vô khuyết¹⁶. Ma Ba-tuần, đại địa ngục

¹⁵ Bản Pāli: nhập vào một cậu bé (aññataram kumārakam anvāsitvā).

¹⁶ No.66: danh A-tỳ-nê-lê. Có lẽ, Vô khuyết tức Vô gián, hay A-tỳ (Avici). Bản Pāli không nói tên địa ngục gì.

này có bốn tên gọi¹⁷, một là Vô khuyết, hai là Bách đinh, ba là Nghịch thích, bốn là Lục cánh. Trong đại địa ngục đó có ngục tốt đi đến chỗ ác ma ở mà nói rằng: ‘Người nay nên biết, nếu đinh hiệp với các đinh, phải biết mãi một trăm năm’.”

Ma Ba-tuần nghe nói như vậy xong, trong lòng hết sức rúng động, kinh sợ, khủng khiếp vô cùng, tóc lông dựng ngược, bèn hướng đến Tôn giả Đại Mục-kiền-liên mà nói bài kệ:

*Địa ngục kia thế nào,
Xưa ác ma ở đó?
Nhiều hại bậc Phạm hạnh
Xúc phạm cả Tỳ-kheo.*

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp lại ma Ba-tuần bài kệ rằng:

*Địa ngục tên Vô khuyết,
Ác ma từng ở trong.
Nhiều hại bậc Phạm hạnh,
Xúc phạm Tỳ-kheo Tăng.
Đinh sắt cả trăm cái,
Thấy đều đâm ngược lên.
Địa ngục tên Vô khuyết,
Ác ma từng ở trong.
Nếu như ai không biết,
Đệ tử Phật, Tỳ-kheo,
Tất nhiên khổ như vậy,
Mà thọ báo nghiệp đen.
Trong nhiều loại viên quán,
Loài người trên đất này,
Ăn loại lúa tự mọc,
Đời Bắc châu, tự nhiên¹⁸.
Đại Tu di thiên núi
Xông ướp bởi nhân lành¹⁹.*

¹⁷. Bản Pāli chỉ có ba tên: chaphassāyataniko, địa ngục sáu xúc xứ; saṅkusamāhato, địa ngục cọc sắt; paccattavedaniyo, địa ngục thọ khổ các biệt.

¹⁸. Bốn câu trở lên nói đời sống châu Bắc Câu-lô.

¹⁹. Hai câu nói về trời Tứ thiên vương, ở ngay sườn núi Tu-di (Sineru).

*Tu tập nơi giải thoát,
 Thọ trì tối hậu thân,
 Đứng sững trên suối lớn,
 Cung điện kiếp lâu bền²⁰.
 Sắc vàng thật ái lạc,
 Như lửa rực huy hoàng²¹.
 Nhạc trời trỗi các thứ;
 Đến Đế Thích thiên cung.
 Kiếp xưa với nhà cửa,
 Thiện Giác đã cúng dường²².
 Nếu Đế Thích đi trước,
 Lên điện Tỳ-xà-diên²³,
 Hân hoan chào đón Thích,
 Thiên nữ vũ chúc mừng.
 Nếu thấy Tỳ-kheo đến²⁴,
 Nhìn lui, vẻ thẹn thùng.
 Nếu Tỳ-lan-diên hiện,
 Luận nghĩa cùng Sa-môn,
 Ái tận, đắc giải thoát²⁵;
 Đại tiên có biết chăng?
 Tỳ-kheo liền đáp lại,*

-
- ²⁰. Nói về cõi trời Tam thập tam thiên hay Đao-lợi thiên (Tavatimsa), ở trên chóp Tu-di. Từ đây trở xuống, nói về các cõi cao hơn.
²¹. Hán: Hoảng rực; danh từ bình thường, không chỉ trời Quang âm ở Nhị thiên thiên.
²². Trong một tiền kiếp, Đế Thích cúng dường nhà cửa cho Sa-môn. Do đó, còn có tên là Vāsava.
²³. Tỳ-xà-diên. Pāli: Vejayanta (Chiến thắng), được gọi như vậy vì xuất hiện khi Thiên Đế Thích chiến thắng A-tu-la (Asura).
²⁴. Tức Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Xem chú thích ngay dưới.
²⁵. Thiên Đế Thích (Sakka) được Phật giảng cho về ái tận giải thoát. Trở về cung điện, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên muốn biết Sakka có hiểu hay không, nên tìm đến điện Vejayanta. Thiên Đế Thích từ chối trả lời. Khi Tôn giả thấy đời sống hưởng thụ của Thiên Đế Thích cho rằng quá đáng, nên bấm ngón chân cái, làm rung động điện Vejayanta, Thiên Đế Thích hoảng sợ (xem M.37).

Người hỏi đúng như nghĩa.
 Câu-dực, ta biết đây,
 Ái tận, đặc giải thoát.
 Nghe lời giải đáp này,
 Đế Thích hoan hỷ lạc.
 Tỳ-kheo ban lợi ích,
 Nói năng đúng nghĩa chân.
 Trên Tỳ-xà-diên điện,
 Hỡi Đế Thích thiên vương,
 Cung điện tên gì vậy,
 Mà người nhiếp trì thành?
 Thích đáp: Đại Tiên Nhân!
 Tên Tỳ-xà-diên-đá.
 Gọi là thế giới ngàn,
 Ở trong ngàn thế giới;
 Không cung điện nào hơn
 Như Tỳ-la-diên-đá.
 Thiên vương Thiên Đế Thích,
 Tự tại mà du hành.
 Ái-lạc na-du-đá²⁶,
 Hóa một thành trăm hàng.
 Trong Tỳ-lan-diên điện,
 Đế Thích tự tại chơi.
 Tỳ-lan-diên đại điện,
 Ngón chân đủ lung lay²⁷.
 Thiên vương mắt xem thấy,
 Đế Thích tự tại chơi.
 Giảng đường Lộc tử mẫu²⁸,
 Nền sâu, đắp kiên cố,
 Khó động, khó lung lay,

²⁶. Na-du-đá, Pāli: nahuta hay nayuta, đơn vị đo đường dài. Nhưng trong đây không rõ ý gì.

²⁷. Xem chú thích 25 trên.

²⁸. Phật nói về ái tận giải thoát cho Đế Thích tại giảng đường Lộc tử mẫu.

Lay bởi định như ý.
 Kia có đất lưu ly,
 Thánh nhân bước lên đi
 Trơn nhuần, cảm thọ lạc,
 Trái gấm êm diệu kỳ.
 Ái ngữ thường hòa hiệp,
 Thiên vương thường hân hoan.
 Nhạc trời hay khéo trôi,
 Âm tiết họa nhịp nhàng.
 Thiên chúng đều hội tụ,
 Nhưng thuyết Tu-đà-hoàn²⁹.
 Biết mấy vô lượng ngàn,
 Và hằng trăm na thuật.
 Đến Tam thập tam thiên,
 Bạc Tuệ Nhân thuyết pháp.
 Nghe Ngài thuyết pháp xong,
 Hoan hỷ và phụng hành.
 Ta cũng có pháp ấy,
 Như lời của tiên nhân;
 Tức lên cõi Đại phạm,
 Hỏi Phạm thiên sự tình.
 Phạm vẫn có thấy ấy;
 Tức thấy có từ xưa,
 Ta vĩnh tồn, thường tại,
 Hằng hữu, không biến đổi.
 Đại Phạm trả lời kia,
 Đại tiên tôi không thấy,
 Tức thấy có từ xưa,
 Ta thường hằng không đổi.
 Tôi thấy cảnh giới này,
 Các Phạm thiên quá khứ;
 Ta nay do đâu nói,

²⁹. Đế Thích được coi như đấng Tu-đà-hoàn, sau khi nghe Phật nói kinh Sakkapañhā (Pāli: D.21, Hán No.1914).

Thường hằng không biến đổi.
 Ta thấy thế gian này,
 Bạc Chánh Giác đã dạy.
 Tùy nhân duyên sanh ra,
 Luân chuyển rồi trở lại.
 Lửa không nghĩ thế này:
 “Ta đốt kẻ ngu dại”
 Lửa đốt, ngu sờ tay,
 Tất nhiên phải bị cháy.
 Cũng vậy, ma Ba-tuần,
 Đến Như Lai pháp khuất,
 Mãi làm điều bất thiện,
 Tất thọ báo miên viễn.
 Người đừng trách Phật-đà,
 Chớ hại Tỳ-kheo tịnh.
 Một Tỳ-kheo hàng ma,
 Tại Bồ lâm rừng già.
 Con quỷ sâu áo nã,
 Bị Kiên-liên quở la.
 Hãi hùng mất trí tuệ,
 Biến mất bèn đi xa.

Tôn giả Đại Mục-kiên-liên thuyết như vậy. Ma Ba-tuần sau khi nghe Tôn giả thuyết, hoan hỷ phụng hành.



132. KINH LẠI-TRA-HÒA-LA¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu² cùng với chúng đại Tỳ-kheo, đi đến Thâu-lô-tra³; trú trong vườn Thi-nhiếp-hòa⁴, phía Bắc thôn Thâu-lô-tra.

Bấy giờ, các Phạm chí, Cư sĩ thôn Thâu-lô-tra nghe đồn rằng: “Sa-môn Cù-đàm, con dòng họ Thích, lìa bỏ tông tộc, xuất gia học đạo, đang du hóa Câu-lâu-sấu cùng với chúng đại Tỳ-kheo, đi đến thôn Thâu-lô-tra này, trú trong rừng Thi-nhiếp-hòa, phía Bắc thôn Thâu-lô-tra. Sa-môn Cù-đàm ấy có tiếng tăm lớn, đồn khắp mười phương. Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu⁵, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự⁶, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu⁷. Vị ấy ở trong thế gian này, giữa Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời, mà tự

¹. Bản Hán, quyển 31. Tương đương Pāli, M. 82 Raṭṭhapāla-suttanta. Hán biệt dịch, No.68 Phật thuyết Lại-tra-hòa-la kinh, Ngô Chi Khiêm dịch; No.69 Phật Thuyết Hộ Quốc Kinh, Tống, Pháp Hiến dịch.

². Câu-lâu-sấu 拘樓瘦。 Pāli: Kurūsu, giữa những Kuru.

³. Thâu-lô-tra 鞞盧吒。 No.69: Đổ-la tự lạc. No.68: từ Câu-lưu quốc đến Thâu-la-âu-tra quốc. Pāli: Thullakottihikam nāma kurūnam nigamo, một làng của người Kuru tên là Thullakottihika.

⁴. Thi-nhiếp-hòa viên 尸攝憇園。 Pāli: Simsapāvana, rừng cây simsapā.

⁵. Hán: Minh Hạnh Thành 明行成; thường nói là Minh Hạnh Túc. Pāli: vijjā-caraṇasampanno.

⁶. Hán: Đạo pháp ngự 道法御; thường nói là Điều ngự trượng phu. Bản Hán này đọc dhamma (pháp) thay vì damma (huấn luyện).

⁷. Chúng Hựu 衆佑, tức Thế Tôn. Pāli: Bhagavā.

tri, tự giác, tự chứng ngộ, thành tựu an trụ⁸. Vị ấy thuyết pháp vi diệu ở khởi đầu, vi diệu ở khoảng giữa và đoạn cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn; cụ túc thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh⁹. Nếu được gặp Đức Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác để tôn trọng, lễ bái, cúng dường, thừa sự, thật là thiện lợi thay! Chúng ta nên cùng nhau đến gặp Sa-môn Cù-đàm để lễ bái, cúng dường.”

Các Cư sĩ, Phạm chí thôn Thâu-lô-tra sau khi đã được nghe như vậy, mỗi người cùng với quyến thuộc theo sau, từ thôn Thâu-lô-tra ra đi, hướng về phía Bắc, đến vườn Thi-nhiếp-hòa. Họ mong gặp Đức Thế Tôn để lễ bái, cúng dường. Sau khi đến nơi Phật, các Phạm chí, Cư sĩ thôn Thâu-lô-tra kia, có người cúi đầu lễ bái sát chân Phật rồi ngồi sang một bên; có người chào hỏi Phật rồi ngồi sang một bên; có người chấp tay hướng Phật rồi ngồi sang một bên; có người từ xa thấy Phật, lặng lẽ ngồi xuống. Khi các Phạm chí, Cư sĩ thôn Thâu-lô-tra ai nấy đều ngồi yên, Đức Phật nói pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện nói pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi Đức Phật ngồi im lặng.

Bấy giờ, các Phạm chí, Cư sĩ thôn Thâu-lô-tra sau khi được Phật thuyết pháp, khuyến phát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, ai nấy đều rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu sát chân Phật, đi quanh Phật ba vòng rồi ra về.

Lúc bấy giờ con trai Cư sĩ là Lại-tra-hòa-la¹⁰ vẫn ngồi không đứng dậy. Đến lúc các Phạm chí, Cư sĩ thôn Thâu-lô-tra ra về chẳng

⁸. Hán: *bĩ ư thữ thế... tự trí tự giác tự tác chứng thành tựu du*. Các bản Pāli: so imam lokam sadevakamsayam abhiññā sacchikatvā pavedeti, “Vị ấy sau khi bằng thẳng trí tự mình chứng nghiệm thế giới này bao gồm chư Thiên... rồi thuyết minh”. Trong Pāli, các từ lokam (thế gian)... đều đồng *nghiệp cách*, tức từ trực tiếp cho pavedeti (thuyết minh) và sacchikatvā (sau khi chứng nghiệm); trong khi, trong bản Hán, *thế gian...* được hiểu là *ư cách*, tức từ chỉ nơi chốn.

⁹. Hán: *cụ túc thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh* 具足清淨顯現梵行。Pāli: kevalaparipuṇṇam parisuddham brahmacariyam pakāseti, giới thiệu đời sống phạm hạnh tuyệt đối hoàn hảo, tuyệt đối trong sạch. Trong bản Hán, các từ *cụ túc, thanh tịnh*, cần được hiểu là phẩm định cho *phạm hạnh*.

¹⁰. Lại-tra-hòa-la Cư sĩ tử 賴吒憇羅居士子。Pāli: Raṭṭhapālo nāma kulaputto.

bao lâu, Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ liền rời chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo, chấp tay hướng về Phật mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, như con biết, đối với giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sống tại gia bị tù hãm trong những sự phiền tỏa, không thể trọn đời thanh tịnh tu hành phạm hạnh được. Bạch Thế Tôn, xin cho con được theo Thế Tôn xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo tịnh tu phạm hạnh.”

Đức Thế Tôn hỏi:

“Này con trai Cư sĩ, cha mẹ có cho phép ông ở trong Chánh pháp luật này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo không?”

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, cha mẹ chưa cho con ở trong Chánh pháp luật này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Đức Thế Tôn dạy:

“Này con trai Cư sĩ, nếu cha mẹ không cho phép ông sống trong Chánh pháp luật này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, thì Ta không thể độ ông xuất gia học đạo, cũng không thể truyền trao giới cụ túc.

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ bạch:

“Bạch Thế Tôn, con sẽ phương tiện xin cha mẹ để con được phép ở trong Chánh pháp luật này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Đức Thế Tôn dạy:

“Này con trai Cư sĩ, tùy ước muốn của ông.”

Khi ấy Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ nghe lời Phật dạy, cẩn thận ghi nhớ, cúi đầu lễ sát chân Phật, đi quanh ba vòng rồi ra về. Về đến nhà, ông thưa với cha mẹ:

“Thưa cha mẹ, như con biết, đối với giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sống tại gia đình, bị tù hãm trong những sự phiền tỏa, không thể trọn đời thanh tịnh tu hành phạm hạnh được. Cúi xin cha mẹ cho con trong Chánh pháp luật này mà chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Cha mẹ của Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ bảo:

“Lại-tra-hòa-la, cha mẹ chỉ có một mình con, hết sức yêu thương chiều chuộng, lòng những quyến luyến không kể xiết. Giả sử con có

chết đi, cha mẹ còn không muốn rời bỏ, huống gì còn sống mà nữ lìa xa, không nhìn thấy được mặt sao?”

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ lại thưa đến lần thứ ba:

“Thưa cha mẹ, như con biết, đối với giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sống tại gia đình, bị tù hãm trong những sự phiền tỏa, không thể trọn đời thanh tịnh tu hành phạm hạnh được. Cúi xin cha mẹ cho con trong Chánh pháp luật này mà chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Cha mẹ Lại-tra-hòa-la cũng lại bảo đến lần thứ ba:

“Lại-tra-hòa-la, cha mẹ chỉ có một mình con, hết sức yêu thương chiều chuộng, lòng những quyến luyến không kể xiết. Giả sử con có chết đi, cha mẹ còn không muốn rời bỏ, huống gì còn sống mà nữ lìa xa, không nhìn thấy được mặt sao?”

Khi ấy Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ liền vật mình xuống đất, nói:

“Từ nay con không đứng dậy, không uống, không ăn, cho đến khi nào cha mẹ cho con ở trong Chánh pháp luật này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.”

Rồi Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ trải qua một ngày không ăn, cho đến hai ngày, ba ngày, bốn ngày, nhiều ngày không ăn. Bấy giờ cha mẹ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ đến bên con bảo rằng:

“Lại-tra-hòa-la, người con mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường nằm ngồi trên giường tốt, nay con không biết khổ sao? Lại-tra-hòa-la, con hãy mau đứng dậy, sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng mà tu phước nghiệp. Vì sao? Lại-tra-hòa-la, cảnh giới của Đức Thế Tôn rất khó, rất khó! Xuất gia học đạo lại càng rất khó.”

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ vẫn nằm im lặng không đáp.

Rồi cha mẹ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ đi đến thân bằng quyến thuộc và các quan viên nói rằng:

“Mong quý vị hãy cùng đến chỗ Lại-tra-hòa-la khuyên nó dậy.”

Thân bằng quyến thuộc của Lại-tra-hòa-la và các quan viên bèn cùng nhau đi đến chỗ Lại-tra-hòa-la bảo rằng:

“Này cậu Lại-tra-hòa-la, người cậu mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường nằm ngồi trên giường tốt, nay không biết khổ sao? Lại-tra-hòa-la, cậu hãy mau đứng dậy, sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng tu phước nghiệp. Vì sao? Lại-tra-hòa-la, cảnh giới của Đức Thế Tôn rất

khó, rất khó! Xuất gia học đạo lại càng rất khó.”

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ vẫn nằm im lặng không đáp.

Rồi cha mẹ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ đi đến các thiện tri thức đồng bạn đồng lứa với Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ, nói rằng:

“Mong các cậu đến chỗ Lại-tra-hòa-khuyên nó đứng dậy.”

Các thiện tri thức đồng bạn đồng lứa với Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ, liền cùng nhau đi đến bên Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ, nói rằng:

“Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ, người bạn mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường nằm ngòai trên giường tốt, nay bạn không biết khổ sao? Lại-tra-hòa-la, bạn hãy mau đứng dậy sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng tu phước nghiệp. Vì sao? Lại-tra-hòa-la, cảnh giới của Đức Thế Tôn rất khó, rất khó! Xuất gia học đạo lại càng rất khó.”

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ vẫn im lặng không đáp.

Khi ấy các thiện tri thức đồng bạn, đồng lứa với Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ đi đến chỗ cha mẹ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ nói rằng:

“Hai bác nên cho Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ ở trong Chánh pháp luật này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Nếu anh ấy thích sống như vậy, thì ngay trong đời này còn có thể gặp nhau. Nếu anh ấy chán sống cảnh ấy thì tự nhiên sẽ trở về với cha mẹ. Nay nếu không cho anh ấy đi, nhất định anh ấy sẽ chết, không nghi ngờ gì nữa. Như thế có ích gì?”

Khi ấy, cha mẹ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ nghe xong, liền nói với các thiện tri thức đồng bạn đồng lứa với Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ rằng:

“Chúng tôi nay cho Lại-tra-hòa-la ở trong Chánh pháp luật mà chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Nếu học đạo mà vẫn trở về cho chúng tôi gặp.”

Rồi các thiện tri thức đồng bạn đồng lứa với Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ liền cùng nhau đến chỗ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ nói rằng:

“Này bạn, cha mẹ đã cho bạn ở trong Chánh pháp luật mà chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Khi học đạo rồi, phải trở về thăm cha mẹ.”

Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ nghe như vậy, vui mừng khôn tả, hân hoan, sinh ái, sinh lạc, bèn đứng dậy, dần dần bồi dưỡng thân thể. Khi thân thể đã bình phục, liền rời khỏi thôn Thâu-lô-tra, đi đến chỗ Phật,

cúi đầu sát chân Phật, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, cha mẹ đã cho con ở trong Chánh pháp luật này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo. Ngưỡng mong Thế Tôn cho con được theo Thế Tôn xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo.”

Khi ấy Đức Thế Tôn độ Lại-tra-hòa-la con trai Cư sĩ xuất gia học đạo, truyền trao giới cụ túc. Sau khi truyền trao giới cụ túc, Đức Thế Tôn ở lại thôn Thâu-lô-tra một thời gian, sau đó Ngài thân y mang bát lần lượt du hành đến nước Xá-vệ, trú trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la sau khi xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, sống cô độc ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Do sống cô độc ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, ngài đạt đến mục đích mà một thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, là chỉ cầu hoàn thành vô thượng phạm hạnh, ở ngay đời này tự tri, tự giác, tự chứng ngộ, thành tựu an trụ, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Tôn giả Lại-tra-hòa-la biết như pháp rồi, cho đến, chứng đắc quả A-la-hán.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la, sau khi đắc quả A-la-hán, khoảng chín mươi năm trôi qua, bèn nghĩ rằng: “Ngày xưa ta đã hứa xuất gia học đạo rồi sẽ trở về thăm cha mẹ. Ta nay nên trở về để trọn lời hứa đó.”

Rồi Tôn giả Lại-tra-hòa-la đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi sang một bên, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con trước có lời hứa, là sau khi học đạo rồi, sẽ về thăm cha mẹ. Hôm nay con xin từ giả để về thăm cha mẹ cho trọn lời hứa trước.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nghĩ: “Thiện nam tử Lại-tra-hòa-la¹¹ này, nếu giả sử xả giới, bỏ đạo, sống đời dục lạc như cũ, chắc chắn không có trường hợp đó.” Đức Thế Tôn biết vậy, liền bảo:

“Người hãy đi. Những ai chưa được độ, hãy độ; chưa giải thoát,

¹¹. Trong nguyên bản: Lại-tra-hòa-la tộc tánh tử 賴吒憍羅族姓子。Pāli: Raṭṭhapālo kulaputto.

hãy khiến cho giải thoát; tịch diệt, khiến được tịch diệt. Lại-tra-hòa-la, nay tùy ý người.

Khi đó, Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe Phật nói xong, cẩn thận ghi nhớ, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát chân Phật, đi quanh ba vòng, rồi đi về phòng riêng, thu xếp ngọa cụ, mang y ôm bát, lần lượt du hành đến thôn Thâu-lô-tra, trú trong vườn Thi-nhiếp-hòa, phía Bắc thôn Thâu-lô-tra.

Khi đêm đã qua, trời vừa hừng sáng, Tôn giả Lại-tra-hòa-la mang y ôm bát vào thôn Thâu-lô-tra khát thực. Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghĩ như vậy: “Đức Thế Tôn khen ngợi việc thứ lớp khát thực. Ta nay ở trong thôn Thâu-lô-tra này nên theo thứ lớp khát thực.”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la ở trong thôn Thâu-lô-tra theo thứ lớp khát thực, lần lượt về đến nhà mình. Lúc đó cha của Tôn giả Lại-tra-hòa-la đứng trong cửa, đang chải tóc cạo râu. Ông ta thấy Lại-tra-hòa-la đi vào, liền nói rằng:

“Sa-môn trọc đầu này bị quỷ đen trói chặt¹², tuyệt chủng không con cái, phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con, hết sức thương yêu chiều chuộng, lòng những quyến luyến không kể xiết, thế mà nó dẫn đi mất. Đừng cho nó ăn!

Tôn giả Lại-tra-hòa-la ở nhà cha đã không được bố thí, mà lại bị rửa xả rằng: “Sa-môn trọc đầu này bị màu đen trói chặt, tuyệt chủng không con cái, phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con, hết sức thương yêu chiều chuộng, lòng những quyến luyến không kể xiết, thế mà nó dẫn đi mất. Đừng cho nó ăn!” Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe vậy liền vội vàng bỏ đi.

Lúc đó người nô tỳ của cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la xách một giỏ đồ ăn thiu thối, định vất vào đồng rác. Tôn giả thấy người nô tỳ của cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la xách một giỏ đồ ăn thiu thối, định vất vào đồng rác, liền nói:

“Này cô em, nếu đồ ăn thiu thối này đáng bỏ đi thì nên bỏ vào bát của tôi. Tôi sẽ ăn.”

Khi ấy, đứa nô tỳ của cha người nô tỳ của cha Tôn giả Lại-tra-

¹². Hán: *vị hắc sở phược* 爲黑所縛。 Pāli: imehi muiḍakehi samaṇakehi..., vì bọn Sa-môn trọc đầu nay mà...

hòa-la đem đồ ăn thiu thối trong giỏ đổ vào bát. Đang khi đổ vào bát, do hai dấu hiệu mà cô nhận ra Tôn giả; đó là: tiếng nói và tay chân của Tôn giả. Nhận ra được hai dấu hiệu này, nó liền chạy đến chỗ cha của Tôn giả¹³ Lại-tra-hòa-la, thưa:

“Thưa ông, nên biết, cậu Lại-tra-hòa-la đã trở về đế thôn Thâu-lô-tra này rồi. Ông nên đến gặp.”

Cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe xong, rất đổi vui mừng phấn khởi, tay trái vén áo, tay mặt vuốt sửa râu tóc, rồi đi nhanh đến chỗ Tôn giả Lại-tra-hòa-la. Khi đó Tôn giả Lại-tra-hòa-la đang quay mặt vào vách, ăn đồ ăn thiu thối ấy.

Cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la thấy Tôn giả Lại-tra-hòa-la đang quay mặt vào vách ăn đồ ăn thiu thối, nói rằng:

“Lại-tra-hòa-la con, người con rất mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường ăn thức ăn ngon. Lại-tra-hòa-la, tại sao con lại ăn đồ ăn thiu thối như thế? Lại-tra-hòa-la, vì lẽ gì con đã về đến thôn Thâu-lô-tra này mà không về nhà cha mẹ?”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa rằng:

“Thưa Cư sĩ, con đã vào nhà cha, nhưng không được bố thí mà lại bị rửa xả, mắng rằng: ‘Sa-môn trọc đầu này bị quỷ đen trói chặt, tuyệt chủng không con cái, phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con, hết sức thương yêu chiều chuộng; lòng những quyến luyến không kể xiết, thế mà nó dẫn đi mất. Đừng cho nó ăn!’ Con nghe như vậy bèn vội vàng bỏ đi.

Cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói lời xin lỗi rằng:

“Lại-tra-hòa-la, con hãy tha lỗi! Lại-tra-hòa-la, con hãy tha lỗi! Cha thật không biết Lại-tra-hòa-la trở về nhà cha.”

Rồi cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la với lòng cung kính, dìu đỡ Tôn giả Lại-tra-hòa-la đưa vào trong nhà, trải chỗ ngồi và mời ngồi. Tôn giả Lại-tra-hòa-la bèn ngồi xuống. Lúc đó, người cha thấy Tôn giả Lại-tra-hòa-la ngồi xong, liền đến chỗ vợ, nói rằng:

“Này bà, nên biết, thiện nam tử Lại-tra-hòa-la đã về lại nhà rồi, mau sửa soạn cơm nước.”

Mẹ Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe xong, rất đổi vui mừng, phấn

¹³. Bản Pāli, báo tin cho mẹ của Raṭṭhapāla. Sau đó bà báo tin cho ông.

khởi, liền vội vàng sửa soạn cơm nước. Soạn cơm nước xong, bà liền mang tiền bạc ra để giữa nhà một đồng lớn. Đồng tiền lớn đến nỗi một người đứng bên này, một người ngồi bên kia, không trông thấy nhau. Dồn một đồng tiền lớn xong, bà đi đến chỗ Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:

“Lại-tra-hòa-la, đây là phần tiền tài của mẹ. Còn tiền tài của cha con thì nhiều vô lượng trăm ngàn, không thể tính được. Nay giao hết cho con. Lại-tra-hòa-la con, con nên xả giới, bỏ đạo, sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng tu phước nghiệp. Vì sao như vậy? Vì cảnh giới của Thế Tôn rất khó, rất khó! Xuất gia học đạo lại càng rất khó.”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa với mẹ rằng:

“Con nay có một điều muốn nói mẹ có chịu nghe không?”

Mẹ Lại-tra-hòa-la nói:

“Này con nhà Cư sĩ, có điều gì con cứ nói, mẹ sẵn sàng nghe.”

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa với mẹ rằng:

“Nên may bao vải mới, đựng đầy tiền, dùng xe chở đến sông Hằng, đổ xuống chỗ sâu. Vì sao vậy? Vì do tiền này làm cho con người lo khổ, sầu thương, khóc lóc, không được an vui.”

Khi ấy, mẹ Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghĩ rằng: “Bằng phương tiện này không thể làm cho con ta Lại-tra-hòa-la xả giới bỏ đạo. Ta nên đến mấy con vợ cũ của nó, nói như thế này: ‘Các con dâu ơi, các con nên dùng ngọc anh iac khi trước trang điểm thân thể, thứ ngọc mà thiện nam tử Lại-tra-hòa-la lúc còn ở nhà ưa thích nhất. Dùng thứ anh lạc này trang điểm rồi, các con cùng nhau đến bên Lại-tra-hòa-la, mỗi đứa ôm một chân mà nói rằng: Không biết hiền lang có thiên nữ nào đẹp hơn tôi mà khiến cho hiền lang bỏ tôi để tu phạm hạnh vì nàng?’”

Nghĩ xong, bà ta liền đến chỗ các vợ cũ của Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói như thế này:

“Các con dâu ơi, các con nên dùng ngọc anh lạc khi trước trang điểm thân thể, thứ ngọc mà thiện nam tử Lại-tra-hòa-la lúc còn ở nhà ưa thích nhất. Dùng thứ anh lạc này trang điểm rồi, các con cùng nhau đến bên Lại-tra-hòa-la, mỗi đứa ôm một chân mà nói rằng: ‘Không biết hiền lang có thiên nữ nào đẹp hơn tôi mà khiến cho hiền lang bỏ tôi để tu phạm hạnh vì nàng?’”

Khi ấy, các cô vợ cũ của Tôn giả Lại-tra-hòa-la liền dùng ngọc anh lạc khi trước trang điểm thân thể, thứ anh lạc mà Tôn giả Lại-tra-